

Tạp Thí Dụ Kinh

Số 204

Đời Hậu Hán (25 - 220), Tỳ-Kheo Chi Lôu Ca Sám dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Ngày 22/10/2011 B.S. Trần Văn Nghĩa dịch từ chữ Hán sang chữ Việt.

Tạp Thí Dụ Kinh

Tạp Thí Dụ Kinh (1)

Đời Hậu Hán (25 AD - 220AD), người nước Nguyệt Chi (2), sa môn Chi Lôu Ca Sám (3) dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán.

Thí dụ thứ 1 : Ngày xưa có một tỳ kheo, thông minh và đầy trí tuệ. Khi thầy bệnh nguy ngập, đệ tử hỏi thầy rằng : Thầy đắc đạo A-la-hán (4) chứ ? Thầy trả lời : Chưa được. Đệ tử lại hỏi : Thầy đắc đạo bất hoàn chứ ? thầy trả lời : Chưa đâu. Đệ tử lại thưa rằng : Thầy có đạo hành cao và nổi tiếng , Vì sao không thành chánh quả ? Thầy nói rằng : Đã được nhất lai quả vị(5) rồi. Còn hai quả vị cao hơn thì chưa đến. Đệ tử lại hỏi : Đã đến nhất lai quả vậy tại sao không thành A-la-hán ? Thầy trả lời : Vì muốn được dự tam kỳ Pháp Hội (6) của Đức Phật Di Lặc, lúc đó có hai trăm tám mươi ức (7) người đắc đạo A-La-Hán và vô số kẻ người đắc đạo bồ tát, Đức Phật Di Lặc là đấng chí tôn, thân thể vĩ đại cao sáu mươi trượng (8). Người ở trong thế giới của ngài hồng hào như hoa đào, nhân dân của ngài đều thọ tám vạn bốn ngàn năm. Đất đai của ngài bằng phẳng, nhân dân của ngài tự nhiên được ấm no, lãnh thổ của Đất Diêm Phù (9) rộng lớn dài ba mươi vạn dặm. Vì muốn được thấy thế giới của ngài nên không muốn làm A la hán vội. Đức Phật Di Lặc có hai đại đệ tử : Một người gọi là Tạp Thi, Người khác là Số Số. Ta muốn xem ta có sánh bằng hai đệ tử này hay không. Đệ tử lại hỏi : Thầy ở đâu mà biết những điều này ? Thầy trả lời : Từ những kinh điển. Đệ tử lại thưa rằng : Sinh tử luân hồi thật là đau khổ, chẳng lẽ Đức Phật Di Lặc có phép lạ gì chẳng mà thầy phải chờ đợi ? Thầy bảo rằng : Không có phép lạ gì cả. Đệ tử lại hỏi rằng : Lục độ, (10) tứ đẳng (11), tứ ân (12) và tứ đế (13) của Đức Phật Di Lặc có khác hay không ? Thầy bảo rằng : Không khác gì cả. Đệ tử thưa rằng : Nếu không khác gì cả , thì đợi chờ làm chi ? Nay đã được ơn của Đức Phật lại còn muốn đợi để về với Đức Phật Di Lặc . Sao thầy không chọn đắc đạo ngay bây giờ còn chờ đợi làm gì ? . Thầy bảo rằng : Thôi được, trò hãy lui đi để ta suy nghĩ. Đệ

tử vừa chưa ra khỏi nhà. Thầy đã thành A la hán. Đệ tử trở lại hỏi : Thầy quyết định ra sao ? Thầy bảo rằng : Đã thành A la hán . Đệ tử bái lạy thưa rằng : Chỉ trong một thời gian ngắn như một tiếng hất xì hơi thầy đã thành chánh quả .

Thí dụ thứ 2 : Ngày xưa có một tỳ kheo khi nhập định, lửa đốt không cháy. Người ta thấy tưởng là ma, bèn lấy dao chém, dao mẻ nhưng chém không vào, vì tâm của người thiền định mềm không thể chém vào được . Thân người thiền định mềm dẻo lửa đốt cũng không cháy. Lại có người khác khi thiền định đệ tử gọi ăn cơm cũng không biết, đệ tử bèn lấy tay kéo tay thầy đang thiền định, tay thầy bị kéo dài ra hơn một trượng, đệ tử sợ quá bèn lấy dây trói lại, sau nghĩ không nên trói thầy bèn cởi ra. Khi thầy tỉnh, thấy tay đau bèn hỏi đệ tử. Đệ tử thưa thật cùng thầy. Thầy bảo rằng : Sao không gọi ta dậy mà làm sái tay ta. Người khi nhập định, thân thể mềm dẻo như bông, như lúc còn ở trong bụng mẹ.

Thí dụ thứ 3 : Ngày xưa ở nước Kế Tân (14) có một bồ tát, khi vừa lọt lòng mẹ là cả vùng đất quanh đó rung động mạnh. Cha mẹ kinh sợ, lúc đó có một a la hán đến lấy lông che hài nhi và đỉnh lễ . Sau cậu bé lớn lên đầy trí tuệ và thông minh , xuất gia, nhưng rất phóng khoáng, không giữ những giới luật, nhưng khi thuyết giảng Phật pháp thì người nghe lại đặc đạo. Lúc đó có hai vị tỳ kheo, tu và giữ kỹ những giới luật của tịnh xá đã nhiều năm, nhưng không hiểu được Phật pháp . Thiên thần bèn đến chỉ cho họ rằng : Ở nước nọ có một thầy thuyết giảng Phật pháp rất hay đã hóa độ được nhiều người. Hai người này bèn lên đường đi tìm đến. Lúc đó thầy đang có gian tình với một phụ nữ. Hai vị tỳ kheo từ xa đến xin gặp. Một người vào trước gặp thầy, chào thầy và an tọa, thấy nơi thầy có một người phụ nữ thật đẹp nằm ở trong phòng thầy, nhưng người này chuyên tâm nghe giảng kinh, không hề nghĩ chuyện bất chánh, bèn đặc đạo, bái tạ thầy và đi ra. Đến tỳ kheo thứ hai vào chào thầy và an tọa, thấy người phụ nữ nằm đó bèn nghĩ người này ô uế dâm dăng, bèn bỏ ra. Buồn vì tiếc công khó nhọc của mình từ xa đến. vị tỳ kheo đầu hỏi vị này tại sao buồn thế , biết tỳ kheo này có tà kiến. Vị thứ hai trả lời rằng : Thật hại chúng ta, chúng ta khó nhọc từ xa đến tìm thầy học đạo, nhưng không may lại gặp vị thầy ô uế hoang đàng này. Tỳ kheo đầu trả lời rằng : Bạn nghĩ vậy là không đúng tư cách của một người đi tìm đạo. Hãy giữ lòng mình chánh trực và nghe giảng những điều Phật pháp, nếu chê bai những chuyện thị phi này chỉ làm mình sinh những ác niệm, làm mình không được cái gì cả. Chúng ta hãy cùng vào, giữ lòng đoan chánh và nghe kinh. Làm vậy hai người đều đặc đạo, đều thành A-la hán, thầy làm cỗ khoản đãi chúc mừng, để tiễn hai người về nước.

Thầy sau tiêu xài quá nhiều ngân quỹ của nhà chùa trong việc hoang chơi quá độ, các sư trong chùa đề nghị trục xuất thầy. Có một a la hán khuyên can rằng : Tuy

đã dùng nhiều ngân quỹ của chùa nhưng cũng độ được nhiều người. Nên xin được khỏi bị trục xuất ra khỏi chùa. Những người thân cận với thầy khuyên thầy rằng : Thầy có thể đi đến những đệ tử cũ của mình xin các người quyên tặng tài vật để bồi hoàn lại cho nhà chùa. Thầy bèn đi qua các nước lân cận xin những đệ tử cũ của mình giúp đỡ tài vật để bồi hoàn cho chùa.

Thí dụ thứ 4 : : Ngày xưa có một người hiền giữ giới luật và rất tinh tiến, khi bệnh gần mất, vợ con khóc thảm không muốn sống vì thương tiếc, sau khi hỏa táng và an táng cốt tro xong. Gia đình vì buồn đã bỏ cả hương đèn cúng kính. Vì gia đình khá giả nên mỗi ngày rằm mừng một đều làm cơm đem ra mộ cúng, khóc than thảm thiết. Linh hồn của người chết vì có đức độ nên được lên trời, từ trời thấy các người nhà khóc thảm mà phải phát cười. Bèn hóa thành một cậu bé chăn trâu. Trâu chết cậu bé chăn trâu khóc suốt suốt, cắt cỏ để trước miệng bảo trâu ăn, vừa khóc vừa vỗ vào trâu gọi trâu dậy ăn cỏ, làm như thế cả ngày. Các người thấy cười và hỏi rằng : Bé con nhà ai ? Trâu đã chết nên về nhà báo cho người nhà biết, khóc có ích gì đâu. Trâu chết đâu có biết gì nữa đâu. Cậu bé chăn trâu trả lời : tôi không ngu đâu, trâu chết nhưng còn nằm đây, còn thấy được. Còn cha của quý vị chết đã lâu, làm trăm món ăn cúng khóc, cốt tro có biết gì đâu. Các người nghe không hiểu ý của cậu bé. Cậu bé bèn nói rằng ta chính là cha của các người được ơn Phật được sinh vào cõi trời, đến đây để nói cho mọi người hiểu, liền biến trở lại thân hình cũ và bảo rằng : Muốn được như ta phải siêng năng học đạo, nói xong bèn biến mất. Vợ con và họ hàng nội ngoại về bèn chuyên cần tu tập, giữ giới luật, bố thí và cứu tế người nghèo khó, không còn lo âu sầu muộn nữa. Sau tất cả đắc đạo được về thiên giới.

Thí dụ thứ 5. Ngày xưa giữa biển có một quốc gia gọi là Tư Ha Diệp (15). Nước này sản xuất rất nhiều loại báu vật nhưng không có đường phèn, lúc đó có một lái buôn nghĩ nếu đem năm trăm xe đường phèn đưa đến cống biểu cho nhà vua, hy vọng được nhà vua trọng thưởng nhiều hơn là đem bán trên thị trường. Ông bèn đem đường phèn đến cửa hoàng cung và tâu cùng ý định. Như thế trải qua ít tháng không ai hỏi han gì cả. Ông này bèn buồn giận và nói rằng : Vua là người, ta cũng là người, cũng có mắt, tai, mũi, miệng như nhau. Nhưng ta lại không được vua ngó nhìn để một cái, không được hỏi đến một lời. Phải chăng vì vua làm nhiều công đức hơn người ? Như vậy ta cũng phải làm nhiều công đức để vua sau này phải đến gặp ta. Vì vậy ông bỏ đi tu, và lấy đường phèn cúng dường Tam Bảo. Ông tìm nơi thanh tịnh để suy ngẫm về khổ đế, về thuyết không, về phi thân (16)... Số đường phèn nhà chùa chưa dùng đến một nửa, thì tâm hồn của ông đã không còn vướng mắc gì nữa, đã hiểu được lục đạo (17) và đắc đạo A la hán. Đất cũng phải rung động kính phục. Đế Thích (18) và chư thiên cũng đến chúc mừng. Lúc Thiên Đế và chư thiên đến kính lễ và chia vui, tỳ kheo hỏi

Thiên Đế rằng : Thiên Đế và các chư thiên ở trên trời thường làm gì ? Thiên Đế trả lời rằng : Trên trời có bốn khu vườn du chơi. Ba khu là những nơi về ngũ dục, một khu là nơi về đạo đức, nơi đó để thảo luận Phật pháp kinh điển hay thảo luận về tinh thần tinh tiến, lòng giữ đạo pháp của thiên hạ tứ chúng. Tỳ Kheo lại hỏi rằng : Bàn về giữ giới luật là chính, có bàn về trình độ giữ giới luật cao thấp hay không? Thiên Đế bảo rằng : Chỉ thảo luận chung chung những người thiện mà thôi. Từ khi Đức Phật nhập Niết bàn đến nay, có ba người mà chư thiên bàn luận không ngừng. Tỳ kheo hỏi rằng : Những người đó là ai ? Xin Thiên Đế nói rõ từng người một cho tôi nghe. Thiên Đế nói rằng : Ở nước Ba la nại (19) có một người sa môn tự thề nguyện rằng : mỗi khi kinh hành (20) sẽ học theo những A la hán không ngủ nghỉ, từ đó ngày đêm kinh hành đến chân bị lở loét chảy máu, chim chóc chạy theo rĩa thịt ăn. Ba năm sau đắc đạo. Chư thiên xem thấy vô cùng khen ngợi. Có một người khác ở nước La duyet kì (21) cũng là một sa-môn trải cỏ thành một cái nệm và ngồi trên đó, thề rằng nếu không đắc đạo thì sẽ không đứng dậy. Khi tới đến buồn ngủ quá, bèn gọi người làm một cây trụ dài tám phân. Khi buồn ngủ bèn lấy cây trụ đâm vào hai đùi, để cho đau đớn không thể ngủ được. Trong một năm tỳ kheo này đắc đạo A la hán. Chư thiên vô cùng tán phục. Lại có một người ở nước Câu đàm ni, cũng là một sa môn, ở trong một hang động trên một núi cao hiểm trở, không có ai có thể lên được. Lúc đó ma vương (22) thấy lòng tinh tiến của tỳ kheo này thật vững mạnh, bèn hóa thành một con trâu, chạy đến trước tỳ kheo gặm và lấy sừng định húc tỳ kheo. Tỳ kheo thật sợ nhưng nghĩ rằng con trâu này sao có thể lên được đây. Không có thể nào có chuyện này được, nhất định phải là ma mà thôi, bèn nói rằng : Đây là trò ma mà thôi. Ma thấy tỳ kheo đã biết đành hiện hình mình ra. Tỳ kheo hỏi ma rằng : Khanh dọa ta muốn cầu xin ta cái gì chẳng ? Ma nói rằng : Thấy tỳ kheo tinh tiến sợ tỳ kheo sẽ đắc đạo ra khỏi dục giới bèn đến dọa chơi. Tỳ kheo trả lời rằng : Ta sợ đi tu là mong cứu độ chúng sinh. Nghe nói Đức Phật có các tướng tốt thật muốn được thấy, nay Đức Phật đã nhập Niết Bàn làm sao mà thấy được nữa, nghe nói ma có thể hóa thân thành Phật vậy Khanh có thể hóa cho ta xem, được thấy những tướng tốt của đức Phật thì ta mãn nguyện, không tinh tiến nữa. Ma bèn lập tức hóa thân thành Phật trước mặt tỳ kheo. Tỳ kheo suy niệm bèn đắc đạo A la hán. Chư thiên trên trời tán thán vô cùng. Ma vô cùng hối tiếc bèn biến mất. Thiên Đế nói với tỳ kheo rằng : đó là ba người mà chư thiên tán thán không ngừng. Tỳ kheo thưa với Thiên Đế rằng : Ba người này biết được khổ, không, và cái thân tàn nên đi tu. Tôi vì bị người ta khinh nên đi tu cầu đạo để được ra khỏi tam giới, thật kỳ lạ cũng đắc đạo A la hán. Chư thiên bảo rằng : Hôm nay về trời sẽ tâu là tỳ kheo hạng nhất . Sau đó chư thiên chào và ra về. Quốc vương được tin là người chủ của những xe đường phèn , chuyên cần tu tập và đã đắc đạo, bèn đến bái chào, tạ tội và phong tỳ kheo làm quốc sư. Tỳ kheo đã giúp chấn hưng Tam Bảo, quốc thái dân an, số người được phúc, được siêu độ vô số kể .

Thí dụ thứ 6 . Trước đây có một người bị một bệnh mà tất cả các thầy thuốc đều bó tay. Người bệnh bèn đến cầu cứu nhà vua Tát hòa đàn. Người bệnh gửi thân mình cho vua, nguyện xin lòng từ tâm của vua giúp trị bệnh cho. Vua bèn gọi các thái y đến, ra lệnh trị bệnh cho người này. Các thái y thưa cùng vua rằng : Không tìm được loại thuốc để trị bệnh này. Vua hỏi các thái y : Thuốc tên là gì? Thái y thưa rằng : Phải lấy thịt của người không có ngũ độc để sắc thuốc , uống thì sẽ lành bệnh, nhưng ở đời này đâu có người nào không có ngũ độc đâu. Vua hỏi : Cái gì gọi là ngũ độc . Thái y thưa rằng : thứ nhất không có lòng tham dâm, thứ hai không có lòng sân khuê, thứ ba không có lòng ngu si, thứ tư không có lòng nghi kỵ, thứ năm không có lòng ác độc. Nếu có người như vậy thì có thể trị lành bệnh này. Vua bảo thái y rằng : Người này đến cầu cậy ta, duy ta không có những độc tính đó, hãy lấy thịt ta đem sắc thuốc đi. Người bệnh uống thuốc , bệnh khỏi ngay và đắc đạo Đại Thừa.

Thí dụ thứ 7 . Ngày xưa có một vị cư sĩ (23) thường ước nguyện được gặp Văn-thù-sư-lợi bồ tát. Cư sĩ bèn lập đàn cúng tế, làm nhiều bố thí và làm một ngai cao. Lúc đó có một cụ lão trông thật xấu xí, mắt thì lồi , mũi thì chầy đến ngồi trên ngai cao đó. Cư sĩ bèn nghĩ rằng hôm nay ta làm ngai cao này là để cho những vị cao tăng ngồi, người này là ai mà dám ngồi trên cao đó bèn kéo cụ này xuống. Sau khi cúng lễ xong, Cư sĩ bèn đến chùa đốt đèn hương lên và khẩn rằng : Xin đem công đức này van xin được gặp Văn thù sư lợi bồ tát trong đời này. Cư sĩ về nhà mệt mỏi và đi ngủ. Trong giấc mơ nghe có người hỏi ông rằng, ông ước mong gặp Văn sù sư lợi bồ tát, nhưng ông gặp mà không biết. Cụ già ngồi trên ngai cao đó chính là Văn-thù-sư-lợi bồ tát , ông kéo xuống trước sau đến bảy lần, không biết Văn-thù-sư-lợi bồ tát thì sao mong gặp được Văn-thù-sư-lợi bồ tát. Nếu muốn tu bồ tát đạo, thì đối với mọi người phải bình đẳng. Người tu Bồ Tát đạo , Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát sẽ đến thử lòng của họ như vậy.

Thí dụ thứ 8. Thí dụ về chuyện vô thường của một gia đình.

Ngày xưa có một cây cổ thụ có quả to như cái bình, khi quả gần chín, có con quạ đến làm tổ trên cây. Quả rụng rơi trên đầu con quạ và giết con quạ, thụ thần (the tree deity) thấy vậy bèn làm bài kệ sau đây :

Quạ đến đâu muốn tìm cái chết,

quả rụng nào có ý giết quạ.

quả chín, quả rụng, giết quạ,

Vì nhân duyên hội tụ lại mà thôi.

Ở đời họa phúc đến nhanh hay chậm không ai biết được trước . Người khôn ngoan bị họa không oán hận, được phúc không mừng vui. Sau nên tin vào những chân lý của Đức Phật dạy thọ trì đừng quên. Ở trong tam giới này có chín mươi sáu giáo phái . Người đời mỗi người đều thờ phụng những thần thánh mà họ nương tựa vào. Những điều phúc người ta được từ những thần thánh này thật nhỏ nhen, chưa có thể coi nó là phúc đâu, chưa có phải là đức đâu. Vì sao vậy, vì không biết cái ánh sáng của Tam Bảo, không giữ cái thanh tịnh của ngũ giới, không biết cái uyên thâm của bát chánh đạo, như vậy chưa có phù hộ giúp ích gì cho họ đâu. Vì vậy cái phúc mà họ được chỉ là cái phúc mỏng manh mà thôi.

Thí dụ thứ 9. Người biết kính Phật, Pháp, tăng, hiểu tam thế : quá khứ, tương lai và hiện tại, hiểu cái phúc của thiên đường, biết cái tội của địa ngục (24), biết tin kính Tam Bảo, hy vọng tránh khỏi vào giới tam ác đạo, cố tu tập để tăng cường trí tuệ lên để phá tan cái nghi hoặc của tam giới, cố tu tập để lục căn được thanh tịnh , để gột rửa cái ô uế của lục trần, vì vậy có thể coi nhẹ tiền bạc, có thể rộng tay bố thí để giảm bớt những tội lỗi của mình. để làm cái vốn tốt cho kiếp sau, bố thí một phần thì được hàng vạn phần ơn phước, quả báo sẽ đến một cách nhanh chóng. Đó chính là cái phúc điền (25) cho tam giới. Tại sao chúng ta biết được ? Ngày xưa Á Dục Vương lúc còn thiếu thời, trên đường gặp đức Phật, ngài vô cùng hoan hỷ, bèn lấy một nắm đất với tất cả lòng thành cúng dâng Đức Phật, vì vậy mà được bao ơn phước nên sau thành thánh vương, làm vua chúa của một vùng rộng bốn mươi vạn dặm, thống lãnh 16 nước lớn. Với những điều hiển nhiên này, phụng thờ chư Phật là phúc điền tốt nhất. Ngày xưa đệ tử của Đức Phật , thầy Nan đà (26), là người cùng thời với Đức Phật, được phước hơn tất cả các tăng chúng, được công đức là em họ của Đức Phật, thân thể có năm sáu loại tướng tốt, thần sắc sáng láng như vàng. Nhờ các phúc của kiếp trước, được sống cùng thời và tu tập với Đức Phật nên được lục thần thông (27). Người xưa bố thí có một mà được ơn phước to lớn, nếu nay các thí chủ có thể bố thí nhiều. Những thiện nghiệp này sẽ giúp các thí chủ đạt đến những bậc cao tôn, gia tăng hoan hỷ, quảng độ chúng sinh.

Thí dụ thứ 10. Pháp ngôn nói rằng : Nhiễm thân (28) bất tử , nó theo ta , làm khổ ta kiếp này qua kiếp khác đến khi đắc đạo mới thôi. Xưa sau khi Đức Phật nhập Niết bàn năm trăm mười năm, có một vị quốc vương, tinh tiến dũng mạnh hiem có trên đời này. Có một lần nhà vua cúng dường cho ba vạn sa môn trong ba tháng, đãi những món ăn ngon nhất thế gian . Vị thượng tọa đạo trưởng là vị đã đắc đạo A-la-hán, học hỏi uyên bác, thông cổ biết kim.

Bốn trăm tám mươi dặm về hướng đông của nước này , cũng có một quốc vương khác , cũng cúng dường năm trăm bà-la-môn, với những gì đẹp nhất của thế gian

này, nào là làm hàng trăm loại cờ quạt bằng những tơ lụa quý, nào là vàng bạc châu báu đủ loại, một lá cờ phan (29) đáng giá cả năm trăm lượng vàng, nào là đoàn ca nhạc đàn hát giúp vui, tất cả những ai khá về ca nhạc múa hát đều được mời đến. Lúc đó những người nghèo trong nước nghe thấy tin vua có nhiều tài bảo ban phát như vậy, đều từ khắp nơi lên đường tiến về hoàng cung, số người lên đến năm trăm. Ai ai đều đi học nghề đàn hát hy vọng được những tài bảo do nhà vua ban thưởng. Những người này tài nghệ học chưa xong, đường còn xa mới tới, lương thực thì đã cạn hết. Họ bèn cầu thượng tọa đạo trưởng cho làm sa môn, thượng tọa bèn xem xét những người này nhận ra những người này ở kiếp trước là những người giúp việc của các nhà hiền triết trong thời Đức Phật. đã có lần nấu ăn cho thượng tọa và cũng được nghe Phật pháp trước đây trong những kiếp trước, đã được hưởng rất nhiều phúc, nay phúc đã hết nhưng những Phật pháp nghe được trước đây vẫn còn, như vậy những người này có thể độ được, bèn nhận cho xuống tóc thọ giới đi tu.

Một hôm thầy đưa những người này vào trong hoàng cung ăn uống, về mọi người rất vui mừng. Thấy biết ý của những người học trò này bèn giảng dạy rằng thức ăn này không thể vọng thực (30), nếu người không có thành tâm tu hành mà ăn cơm này sẽ tạo ác nghiệp, những kiếp sau sẽ phải làm thân trâu ngựa hay nô tỳ cho nhà vua. Năm trăm tỳ kheo mới này sợ hãi, nên quyết chí tinh tiến học đạo trong chín mươi ngày đều đắc đạo A-la-hán. Những tỳ kheo này sau khi đắc đạo, muốn kể rõ câu chuyện của mình để chia sẻ với mọi người, bèn chạy đi kêu gọi mọi người cùng đến trước cửa hoàng cung, nói cho mọi người biết là tam độc, thập nhị nhân duyên, ngũ uẩn, lục suy (31) đều đã bị đánh bại với một cái thắng lợi không ai có thể so sánh bằng. Tất cả mọi người nghe xong vô cùng ngạc nhiên vì không hiểu nội dung câu chuyện. Các Tỳ kheo bèn kể thêm rằng : Chúng tôi lúc đầu muốn học ca hát hy vọng trình diễn trước vua để lấy được tiền thưởng nuôi thân, sau làm sa môn, nay đắc đạo thành A-la-hán. Tất cả tam giới đều ngạc nhiên là chúng tôi đã diệt được những tính xấu kể trên để đi đến chính quả, nhờ ơn của thầy thượng tọa đạo trưởng mà nay chúng tôi được vô cùng mừng vui.

Thí dụ thứ 11. Xưa có hai anh em ở chung với nhau, hai người này rất là phú quý, có gia tài vô số. Bố mẹ đều đã mất không ai nương tựa. Tuy là anh em nhưng hai người có chí hướng khác nhau. Người anh thích học đạo, người em mê gia nghiệp, quan tước, bổng lộc, tham danh vọng thế gian. Nhà ở gần Ba Lợi Phát (32), cách Kê Minh Tịnh Xá không xa. Người anh chuyên học về đạo lý kinh kệ, không lo gì đến sinh kế. Người em thấy anh mình không lo về sinh kế trong nhà nên rất bất mãn bèn bảo anh rằng : Cùng là anh em, cha mẹ mất sớm, phải vất vả để lo về cuộc sống mới là đúng, nay lại bỏ gia nghiệp sinh kế để đến chùa nghe kinh. Chùa có cho được tiền tài quần áo chằng, gia đình nghèo khó, tiền tài eo hẹp

để người ta chê cười, bảo là chúng ta lười biếng để gia đình bị diệt vong. Phàm làm con cái cũng phải cố gắng báo ơn cho gia đình, kế thừa sự nghiệp của cha mẹ, đó là hiếu hạnh. Người anh bảo rằng : Giữ ngũ giới (33) hành thập thiện (34) cúng dường (35) Tam Bảo, tìm lục độ , thiên định để hóa độ thân nhân đó mới là hiếu tử. Đạo đời hai ngã hoàn toàn nghịch nhau. Điều mà đạo thích thì đời ghét, điều mà đời quý trọng thì đạo khinh rẻ, trí tuệ và ngu si khác nhau, mưu cầu cũng sáng tối hai ngã nghịch nhau. Vì vậy khó mà cộng sự, trí tuệ bỏ vô minh để tìm đường đặc đạo. Nay cái mà em thích lại là cái xấu xa đối với tôi. Tất cả là hư vô, là giả tạo, là không thật, vì mê hoặc tưởng là có thật, đâu biết đó là khổ đau. Người em giận, cúi đầu không tin. Người anh thấy thế bèn nói rằng : Em lo chuyện nhà lấy tiền tài là chính. Anh thích kinh kệ đạo pháp, lấy trí tuệ làm chính, nay muốn bỏ nhà để đi làm những việc phúc thiện. Đời ở thế gian này như là cát bụi khoáng khắc bay mất, vô thường sẽ đến, tội lỗi thì trói buộc ta. Vì vậy muốn bỏ cái đau khổ của thế tục , để tìm cái an lành trong đạo pháp. Người em thấy anh mình ham mê tìm đạo nên yên lặng không trả lời. Người anh bỏ nhà đi tu làm sa môn. Ngày đêm chăm chỉ đọc kinh cầu đạo, chuyên tâm thiên định, tư duy chánh pháp quên cả nghỉ ngơi. Sau đã hoàn tất ba mươi bảy đạo phẩm (36), tu tập chính pháp và thành chánh quả. Đến gặp người em và khuyên em phải theo đạo pháp, giữ ngũ giới, làm thập thiện để làm cái vốn cửa đời này, năng bố thí vì nó là căn cơ của tu tập, đạo lý và trí tuệ. Người em nghe những lời này lại càng giận dữ và bảo anh rằng : Anh đã bỏ bê gia nghiệp, làm mất danh giá của gia đình, anh cứ một mình làm đi đừng dạy cho em nữa, hãy ra khỏi nhà này mau đi, đừng lý những chuyện của em nữa. Người anh bèn bỏ ra đi. Người em say mê gia nghiệp không ngừng, không bao giờ nghĩ đến đạo pháp. Sau khi chết người em đầu thai làm con trâu mập mạp to lớn, có người lái buôn mua về để dùng vào việc chuyên chở muối. Chuyên chở vài lần, trâu đã mệt đừ không còn đi được nữa, trâu nằm xuống nghỉ không thể đứng dậy được, người chủ lấy roi đánh, lay đầu trâu, trâu mới chuyển động. Lúc đó người anh đang du hành ở trên hư không, bay qua thấy vậy, bèn tìm hiểu xem con trâu này từ đâu đến , xem kỹ thì biết nó là người em của mình, bèn nói với trâu rằng : Em trước đây ở nhà chỉ vui với những tài sản, nhà cửa, ruộng đất, ... nay tất cả tài sản đi đâu? Thân em thì phải đầu thai làm trâu làm ngựa. Người anh lại lấy phép thần thông để người em thấy được những gì mình đã làm trên kiếp người, người em hồi tiếc và khóc, tự trách mình làm những điều bất thiện, keo kiệt, ghen tỵ, không tin Phật pháp, khinh bỉ chư thánh, vui chơi thỏa ý, không nghe lời anh, còn chê bai thánh giáo, nên bị đầu thai làm con trâu, mệt mỏi khổ sở hối hận không kịp. Người anh vô cùng thương xót. Bèn kể hết đầu đuôi câu chuyện cho người chủ trâu nghe, cho biết con trâu này chính là người em của mình trong kiếp trước. Vì không tin Tam Bảo, bỏ những điều phải theo những điều trái, keo kiệt, ghen tỵ , tự ty, tham lam, không bố thí, nên nay bị đầu thai làm con trâu, đau ốm thật đáng thương. Nay đã già yếu, không còn dùng vào

việc gì được nữa, xin ông cho tôi để tôi giúp cái thân tàn của nó. Người lái buôn nghe vậy bèn bỏ thí con trâu cho người anh. Người anh bèn đưa con trâu về chùa, dạy niệm Tam Bảo, cho ăn uống nghỉ ngơi. Sau khi trâu chết được tái sinh về cõi trời Đạo lợi. Lúc đó các lái buôn cũng nghĩ rằng mình chỉ lo buôn bán cầu lợi không ngừng, không chịu bỏ thí, không giữ và không biết đạo pháp, sợ mai kia chết đi lại cũng đầu thai làm thú vật thôi. Bèn bỏ nhà cửa, bỏ vợ con, bỏ những trò chơi vui thú, đi làm sa môn, tinh tiến chuyên cần, sau đều đắc đạo. Hãy xem những truyện này, tài vật của thế gian này không giúp ích cho người ta đâu. Cúng dường Tam Bảo, tu thân học đạo, tìm hiểu chánh pháp sẽ giúp đời đời được an lạc.

Thí dụ thứ 12. Ngày xưa ở nước Xá Vệ (37) có một nhà nghèo. Trong vườn có một cây roi (38). Trên cây có vài chùm roi, người chủ nhà muốn lấy roi để cúng dường mấy vị tu hành. Lúc đó nhà vua đòi phái lấy roi một tháng cho vua ăn, vì nhà nghèo không có thể lực gì nên đành chịu. Đang lúc tháng vua đòi lấy roi thì có một vị tu sĩ đến thăm, bà cư sĩ bèn lấy roi để cúng dường thầy, và nói với thầy rằng, mong cúng dường cho quý thầy cả tháng nay, nay mới được toại nguyện, thầy tu bảo với nữ cư sĩ (39) rằng : Bà đã cúng dường cả tháng nay rồi. Bà cư sĩ nói rằng : Tôi chỉ cúng dường có một chùm roi hôm nay mà thôi, đâu có cúng dường một tháng nay đâu. Thầy tu nói rằng : Một tháng nay bà đã nghĩ đến cúng dường là một tháng nay bà đã cúng dường rồi.

Ở đời này có mười tám chuyện khó xảy đến : Thứ nhất được sống cùng thời với Đức Phật là khó, thứ hai dù được sống cùng thời với Đức Phật mà được đầu thai làm người thì lại là khó. Thứ ba : dù được đầu thai làm người mà được sống tại Trung Quốc thì lại là khó. Thứ tư : dù được sống tại Trung Quốc mà được làm con cái của những gia đình dòng dõi thì lại là khó. Thứ năm : Dù được làm con cái của những gia đình dòng dõi mà được chân tay lành lặn, lục tình bình thường thì lại là khó. Thứ sáu : Dù được chân tay lành lặn, lục tình bình thường mà có sản nghiệp to lớn thì lại là khó. Thứ bảy : Dù được có sản nghiệp to lớn, mà lại có những kiến thức cao thì lại là khó. Thứ tám : Dù có kiến thức cao, mà lại có được sự hiểu biết về đạo pháp thì lại là khó. Thứ chín : Dù có được sự hiểu biết về đạo pháp mà lại có lòng thiện tâm thì lại là khó. Thứ mười : Dù có lòng thiện tâm mà lại có lòng bố thí lại là khó. Thứ mười một : Dù có lòng bố thí mà lại tìm được những người hiền đức để học hỏi thì lại là khó. Thứ 12 : Dù tìm được những người hiền đức để học hỏi, mà được đến nhà họ để thọ giáo thì lại là khó. Thứ 13

: Dù được đến nhà của người hiền đức để thọ giáo, mà được những cơ hội thích nghi để học hỏi với họ thì lại là khó. Thứ 14 : Dù được những cơ hội thích nghi để học hỏi với họ mà tiếp thu được cái hay của những lời bàn luận một cách chính xác, trung thực thì lại là khó. Thứ 16 : Dù tiếp thu được cái hay của những lời bàn luận một cách chính xác, trung thực mà ngộ được cái thâm thúy của những lời bàn luận đó thì lại là khó. Thứ 17 : Dù ngộ được cái thâm thúy của những lời bàn luận đó , mà hiểu thấu được những uyên thâm của các kinh điển thì lại là khó.

Đó là 18 sự (40).

Tạp Thí Dụ Kinh.

1-) Thí Dụ Kinh譬喻經 : Kinh điển trong Hán tạng dựa theo nội dung hay hình thức của nó được chia làm 12 loại , gọi là十二部經 thập nhị bộ kinh. 12 loại kinh đó là : 1-) Sutra, Hán văn phiên âm là 修多羅tu-đa-la, dịch nghĩa là契經 khế kinh, khế ở đây có nghĩa là khế ước, án văn, thường gọi tắt là kinh. Đây là những bài giảng về triết lý của đạo Phật. 2-) Geya, Hán văn phiên âm là祇夜kỳ dạ, dịch nghĩa là ứng-tụng應頌 : Có nghĩa là hưởng ứng lại bài kinh hay trùng tụng重頌 : Trùng là chữ tắt của chữ trùng phục nghĩa lập lại, lập lại ý của bài kinh. Đây là những bài thơ, bài ca, đi theo sau một bài kinh, tóm tắt những ý chính của bài kinh. 3-) Gatha, Hán văn phiên âm là kệ-tha偈他, viết tắt là Kệ 偈, Chữ này được dịch nghĩa qua Hán văn là tụng頌, nghĩa là tán tụng, ca tụng. Chữ gatha còn được phiên âm qua Hán văn là ca-đà tụng伽陀頌, trong những kinh điển khác nhau. Đó là những bài thơ dùng để tán tụng, ca ngợi công đức của chư Phật, chư thánh...hay dùng để tóm tắt những giáo lý để dễ nhớ. Nó khác geya là những bài kệ này đơn độc một mình, không đi theo sau những bài kinh nào cả, vì vậy còn gọi là Cô khởi tụng孤起頌, phúng tụng 諷頌 hay trực tụng直頌. 4-) Nidana, Hán văn phiên âm là尼陀那ni-đà-na, dịch nghĩa là nhân-duyên因緣. Đó là những bài kinh nói về bối

cảnh, nguyên nhân của một câu chuyện hay của một bài kinh (historical narratives). Thường nó là những tựa phẩm序品 (foreword, introduction, preface) của một quyển kinh. 5-) Itivrttak, Hán văn phiên âm là伊帝目多Y-đế-mục-đa, dịch nghĩa là bản sự本事, còn dịch nghĩa là như thị ngữ如是語, hay như thị thuyết如是說 trong những kinh điển khác nhau. Đó là những bài kinh do Đức Phật nói về cuộc đời của những kiếp trước của các bồ tát, các thanh văn, hay các a-la-hán. Hiền Dương Luân viết : Bản sự là đức Như Lai nói về kiếp trước của các thánh đệ tử. (Hiền Dương Luân viết : Bản sự hữu vi Như Lai thuyết thánh đệ tử tiền thế đẳng sự. 顯揚論曰 : 本事有謂如來說聖弟子前世等事.). 6-) Jataka, Hán văn phiên âm là đồ-đa-giā闍多伽, dịch nghĩa là bản sinh 本生. Đó là những bài kinh nói về cuộc đời của những kiếp trước của Đức Phật. 7-) Adbhuta-dharma, Hán văn phiên âm là A-phù-đạt -ma阿毘達磨, dịch nghĩa là vị tăng hữu未曾有 có nghĩa là chưa từng có, hay hy pháp希法. Đó là những bài kinh nói về những phép lạ của Đức Phật, của các bồ tát hay các thánh. 8-) Avadana, Hán văn phiên âm là A-ba-đà-na阿波陀那, dịch nghĩa là thí dụ譬喻. Đó là những quyển kinh chỉ gồm những mẫu truyện nhỏ có hay không có những lời kinh đi theo. 9-) Upadesa, Hán văn phiên âm là Ưu bà đề xá優婆提舍, dịch nghĩa là nghị luận 論義. Đó là những bài kinh giảng giải về Phật pháp (didactic lessons). 10-) Udana, Hán văn phiên âm là Ưu đà na 優陀那, dịch nghĩa là tự thuyết自說, hay còn dịch là vô vấn tự thuyết無問自說. Đó là những bài kinh không ai hỏi cả mà đức Phật tự ý đưa ra diễn giảng, như khi Ngài giảng kinh A Di Đà. 11-) Vaipulya, Hán văn phiên âm là bi-Phật-lược毗佛略, dịch nghĩa là phương quảng方廣. Đó là những bài kinh mở rộng diễn giảng ý nghĩa của những kinh điển khác (expanded teachings). 12-) Wyakarana, Hán văn phiên âm là hòa-giā-la和伽羅, dịch nghĩa là thọ ký授記. Đó là những kinh điển trong đó Đức Phật hứa với những chúng sinh nếu phát nguyện tu tập thì sẽ được ghi nhận những ơn phước xứng đáng trong kiếp tới (guarantees of future attainment).

Thí dụ kinh譬喻經 : Đây là một trong 12 loại kinh của Đạo Phật Đại Thừa. Chũ Phạn là Avadana, Hán văn phiên âm là A-ba-đà-na阿波陀那, dịch nghĩa là thí dụ譬喻. Đó là những bài kinh chỉ gồm những mẫu truyện nhỏ, có hay không có những lời kinh đi theo. Có thể chia làm hai loại : 1-) Đó là những quyển kinh chỉ gồm những mẫu truyện ngắn, như những truyện cổ tích, huyền thoại, ngụ ngôn, truyện giả tưởng, hay những truyện thật trong dân gian,.... (parable, metaphor, legends, fable, myth, anecdote), những truyện này không liên quan với nhau, không có những lời kinh đi kèm. Như trong Việt Tạng : kinh số 204, 205, 206, 207, 208, 209. Những mẫu truyện của những thí dụ kinh này có thể trích lục từ những bài giảng của Đức Phật hay của các đại đệ tử trong những kinh khác, cũng

có thể từ những bài giảng của các luận sư sau này, có những truyện lại do các dịch kinh sư giảng ở Trung Quốc sau này như thí dụ số 12 của kinh số 204. Chính vì những thí dụ này không hoàn toàn do Đức Phật giảng, nên kinh đã không bắt đầu bằng câu "Tôi nghe như vậy" (như thị ngã văn 如是我聞) và cũng không kết thúc bằng câu: Phật giảng kinh Thí Dụ kinh (Phật thuyết Thí Dụ Kinh 佛說譬喻經) chẳng hạn. 2-) Đó là những quyển kinh gồm những mẫu truyện ngắn như những loại truyện kể trên nhưng đi kèm theo một đoạn kinh ngắn, có thể do Đức Phật giảng. Như trong Việt Tạng: kinh số 105, 106, 211, 215, 217, 219.

Trong kinh Niết Bàn chương 29 涅槃經二十九 thí dụ trong kinh Phật được chia làm 8 loại: 1-) 順喻 Thuần dụ, 2-) 逆喻 Nghịch dụ 3-) 現喻 Hiện dụ: lấy những truyện hiện tại để làm thí dụ. 4-) 非喻 Phi dụ: Câu truyện của thí dụ hoàn toàn giả tạo, không có thật. 5-) 先喻 Tiên dụ: thí dụ đi trước bài kinh. 6-) 後喻 Hậu dụ: thí dụ đi sau bài kinh. 7-) 先後喻 Tiên hậu dụ: thí dụ có cả ở trước và sau bài kinh. 8-) 徧喻 Phiến dụ: Thí dụ từ đầu đến cuối giả tạo, như truyện ngụ ngôn (fable).

Trong sách Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận Bản 因明正理門論本 thì lại nói có hai loại thí dụ khác nữa, đó là: Đồng dụ 同喻: Anh văn dịch là an example using similarity và dị dụ 異喻 Anh văn dịch là negative example.

Dựa vào bút pháp (stylistics), thí dụ trong Hán văn được chia là 13 loại, vì nó không liên quan trực tiếp đến kinh Phật nên không đi vào chi tiết.

2-) Nước Nguyệt Chi 月支: Dân tộc Nguyệt Chi là một dân tộc du mục, sinh sống ở vùng đất nay là tỉnh Tân Cương, Trung Quốc, từ đời nhà Châu đến 176 BCE. Trong sử Chiến Quốc của Trung Quốc gọi là Nước Ngưu Thị 禺氏, hay Ngưu Thị 牛氏. Sử Nhà Hán thì gọi là Nước Nguyệt Chi 月支 hay nước Nguyệt Thị 月氏. Vào năm 177 BC - 176 BC, nước Nguyệt Chi bị nước Hung Nô tiêu diệt. Dân tộc Nguyệt Chi chia làm hai nhóm, một nhóm nhỏ tỵ nạn về hướng đông, định cư tại những vùng Cam Túc 甘肅, Thanh Hải 青海, Kỳ Liên Sơn 祁連山, trong sử của nhà Hán gọi nhóm này là Tiểu Nguyệt Chi. Nhóm này sau này tạo ra vương quốc Bắc Lương 北涼. Nhóm lớn của Nước Nguyệt Chi chạy về hướng tây bắc, định cư ở vùng đất nay là nước Afghanistan, lập nên nước Quý Sương 貴霜 Kushan, tạo ra hoàng triều thứ nhì của nước Afghanistan. Trong sử của nhà Hán không dùng tên nước Quý Sương mà lại gọi là nước Đại Nguyệt Chi hay là nước Nguyệt Chi.

Nước Afghanistan theo đạo Phật rất sớm, sau khi đức Phật thành đạo 7 tuần vào năm 537 BCE, hai anh em lái buôn tên là Tapussa và Bhallika, đi buôn từ Miền Điện (Burma) về quê của mình là Balkh nay là thành phố Mazar-i-Sharif của

Afghanistan, đi qua vùng bắc Ấn Độ, gặp đức Phật và trở thành những người cư sĩ đầu tiên của đức Phật. Hai anh em khi từ già đức Phật về nước đã xin đức Phật 8 sợi tóc để về thờ cúng. Sau này khi hai anh em qua Burma đi buôn đã đem tặng mấy sợi tóc cho Burma và truyền bá Phật giáo cho nước này, mấy sợi tóc của Đức Phật nay để tại Kyaiktiyo Pagoda ở Mon State, Burma. Hai anh em này là những người đầu tiên lập ra giáo hội Phật giáo ở Nước Afghanistan. Tất cả những dịch kinh sư đến Trung Quốc từ nước Nguyệt Chi đều từ nước Afghanistan ngày nay.

3-) Chi Lôu Ca Sám 支婁迦讖 : Tên tiếng Phạn là Lokaksema, còn gọi là Chi Sâm, người nước Nguyệt Chi. Đến Lạc Dương, Trung Quốc vào năm 150 AD ? đời vua Hán Hằng Đế 汉桓帝 (147 AD - 167 AD), làm dịch kinh sư trong đời vua Hán Linh Đế 汉灵帝 (168-189). Thầy đã dịch rất nhiều kinh điển Phật giáo Đại Thừa từ chữ Phạn sang Hán văn, nay còn lại những bộ kinh trong Hán tạng : Đạo Hành Bát Nhã Kinh 道行般若經, Bát Châu Tam Muội Kinh 般舟三昧經, A Nậu Thế Vương Kinh 阿閼世王經, Tạp Thí Dụ Kinh 雜譬喻經, Thủ Lăng Nghiêm Kinh 首楞嚴經, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh 無量清淨平等覺經, Bảo Tích Kinh 寶積經. Còn bốn bộ kinh thầy dịch có tên nhưng nay thất truyền.

4-) A-La-hán : Trong bản kinh Hán văn dùng chữ 應真 Ứng Chân. Chữ Phạn là arhat, chữ Pali là arahant có nghĩa là người xứng đáng được thờ lạy (The worthy true one), vì vậy Hán văn đã dịch nghĩa là Ứng chân, ứng là chữ viết tắt của chữ ứng-cai 應該 nghĩa là đáng phải, chân là chữ viết tắt của chữ chân-nhân 真人, đây là danh từ mượn từ Đạo giáo, có nghĩa là người đắc đạo trong Đạo giáo. Ứng chân có nghĩa là người đắc đạo đáng phải thờ lạy. Một đôi khi còn dịch nghĩa là ứng nghi 應儀, nghi ở đây có nghĩa là nghi lễ. Những kinh điển sau này thường dùng chữ phiên âm a-la-hán từ chữ Pali.

5-) Nhất lai quả 一來果 : Trong bản kinh Hán văn dùng chữ Tần lai quả 頻來果. Tần có nghĩa là nhiều lần, Tần lai quả có nghĩa là phải trở lại nhiều lần, chữ này dịch không đúng nghĩa với chữ Phạn Sakrdagami, có nghĩa đến lại một lần thế gian này mà thôi (once returner). Vì vậy chữ Tần lai quả đã ít được dùng. Những kinh điển sau này dùng chữ nhất lai quả 一來果, hay nhất hoàn quả 一还果 có nghĩa người tu đắc đạo quả vị này chỉ cần đầu thai làm người một lần nữa thì sẽ được vào sắc giới hay vô sắc giới, hay Niết Bàn. Có khi còn phiên âm của chữ Phạn Sakrdagami thành Tư đà hàm quả 斯陀含果. Tu theo Đạo Phật Nguyên Thủy có bốn cấp gọi là tứ quả. Tư đà hàm quả là cấp thứ hai.

6-) Tam hội 三會 : Theo kinh Di Lạc Đại Thành Phật Kinh 彌勒大成佛經 nói Đức Phật Di Lạc Maitreya khi thành Phật có ba cuộc pháp hội tại Vườn Hoa Lâm 華林園, dưới Cây Long Hoa 龍華樹, tiếng Phạn là cây puspanaga. Trong ba kỳ pháp hội này có vô số chúng sinh đắc đạo A-la-hán và đắc đạo bồ tát .

7-) Ưc 億 : Chữ ức trong Hán văn có nhiều định nghĩa khác nhau. Một ức có thể chỉ con số :100,000 , có thể chỉ con số 1,000,000 , có thể chỉ con số 10,000,000 , hay có thể chỉ con số 100,000,000.

8-) Một trượng 丈 : bằng 10 meters, một decameter .

9-) Đất Diêm Phù 閻浮土: Đây là một châu (continent) ở phía nam của núi Tu Di 須彌山, tên tiếng Phạn là Jambudvīpa, Hán văn phiên âm là Diêm phù đề ty ba 閻浮提鞞波, gọi tắt là Diêm Phù thổ.

10-) Lục độ 六度: Còn gọi là lục độ ba la mật 六度波羅蜜. Chữ độ có nghĩa là đưa qua sông , Anh văn dịch là ferry. Đó là sáu điều giúp chúng ta đi qua bể khổ của luân hồi để đến bờ giác là Niết Bàn : Bố thí 布施, Trì giới 持戒, Nhẫn nhục 忍辱, Tinh tiến 精進, Thiền định 禪定, Trí tuệ 智慧.

11-) Tứ đẳng 四等: Còn gọi là tứ đẳng tâm 四等心 hay còn gọi là tứ vô lượng tâm 四無量心. Đó là : 1) 慈 Từ chữ Phạn là maitri, Anh văn là loving kindness, 2) 悲 bi chữ Phạn là karuna, Anh văn là compassion, 3) 喜 hỷ chữ Phạn mudita, Anh văn là sympathetic joy, 4) 舍 xả chữ Phạn upeksha, Anh văn là equanimity .

12-) Tứ ân 四恩 : 1-) Ôn bố mẹ, 2-) Ôn chúng sinh, 3-) Ôn của các vua, các chánh quyền, 4-) Ôn Tam Bảo.

13-) Tứ Đế 四諦: Tứ diệu đế.

14-) Nước Kế Tân 罽賓國 : Tiếng Phạn là nước Kubha hay Kubhana , hay Kapsia, nay là thủ đô là Kabul.

15-) Tư Ha Diệp 私訶疊: Còn gọi là Tư Ha Điều 私訶條, có lẽ nay là nước Tích Lan, Sri Lanka ngày nay.

16-) Phi Thân 非身 : Tiếng Phạn là anatman, tiếng Pali là anatta, còn gọi là vô ngã 無我, hay phi ngã 非我 , tiếng Anh là non-self. Theo quan niệm của đạo Phật

thì ý tưởng về sự hiện hữu của linh hồn hay là Ngã của con người không có thật. Thực ra chỉ có một dòng tâm thức luôn luôn thay đổi biến thiên không ngừng. Vì vậy không có một linh hồn vĩnh cửu không thay đổi như quan niệm của các tôn giáo khác. (Tham khảo y kiến với B. S. Nguyễn Trần Hàn)

17-) 六道 Lục đạo : Còn gọi là 六趣 lục thúy . Đó là sáu con đường mà khi con người đi tái sinh (rebirth) phải đi vào tùy theo những nghiệp quả của mình. 1-) 地獄 Địa ngục (Skt. narakagati, Anh văn hell) , 2-) 餓鬼 Ma đói , Skt.pretagati, Anh văn hungry ghost, 3-) 畜生 Súc sinh, Skt. tiryagyonigati, anh văn animal, 4-) 阿修羅 A-tu-la, Skt.asura-gati, Anh văn asura, 5-) 人道 Nhân đạo, Skt.manusya-gati, Anh văn human world, 6-) 天道 thiên đạo hay cõi tiên giới, Skt.deva-gati, Anh văn celestial heaven.

Lục đạo lại được chia làm hai nhóm : 1-) Hạ tam đạo còn gọi là tam ác thúy 三惡趣, tam ác đạo 三惡道, hay hạ tam đồ 下三途 , gồm có địa ngục còn gọi là hỏa đồ, ma đói còn gọi là đao đồ và súc sinh còn gọi là huyết đồ. 2-) Thượng tam đạo còn gọi là thượng tam đồ, gồm có : A-tu-la, nhân đạo và tiên giới.

18-) Đế Thích Thiên Chủ 帝釋天主 tiếng Phạn tên là Sakra devanam Indra, ngài ở trên cõi trời Đạo Lợi (Tusita heaven). Vợ ngài là Indrani. Ngài vẫn thấp hơn tất cả những vị đấng đạo giác ngộ như chư Phật, chư bồ tát và chư a-la-hán.

19-) Nước Ba la nại 波羅奈國: Tên tiếng Phạn là Varanasi, một nước nằm ở phía tây của nước Magadha thời xưa.

20-) Kinh hành : Đi bộ đọc kinh.

21-) Nước La duyệt kì 羅閱祇國: Tên tiếng Phạn là Rajagrha, dịch nghĩa là thành Vương Xá , thủ đô của nước Magadha.

22-)Ma vương : Bản kinh Hán văn dùng chữ 魔波旬 Ma ba tuần, chữ phiên âm của chữ Phạn Mara papiyan nghĩa là ma vương.

23-) Cư sĩ : Trong bài kinh Hán văn dùng chữ 迦羅越 Ca la việt , chữ phiên âm của tiếng Phạn kulapati có nghĩa là tộc trưởng của một dòng họ hay một gia đình, trong đạo Phật nghĩa là cư sĩ.

24-) Địa ngục : Trong bài kinh chữ Hán dùng chữ 太山 Thái Sơn để chỉ địa ngục, đây là chữ viết tắt của chữ 太山府君 Thái Sơn Phủ Quân, một thần của Đạo giáo,

giữ cửa địa ngục thứ bảy. Hệ thống địa ngục của Đạo giáo gồm 10 cửa địa ngục gọi là 十殿 thập điện, mỗi cửa ngục có một vị vương chủ trì. Đến đời nhà Đường, Đạo giáo lại nói là Ngọc Hoàng sắc phong Diêm La Vương 閻羅王 Yama, gọi tắt là Diêm Vương làm thống lãnh của thập điện. Yama là thần giữ cửa địa ngục của Ấn Độ giáo và Phật giáo.

Địa ngục trong Phật giáo, chữ Phạn gọi là naraka, phiên âm Hán văn là 那落迦 na-lạc-gia, chữ Pali là niraga, phiên âm Hán văn là 泥黎 ni-lê, nghĩa là nơi không vui, nơi khổ. Theo 俱舍頌疏世間品一 Câu Xá Tụng Sớ Thế Gian Phẩm chương một thì có ba loại địa ngục, gồm 18 cửa địa ngục :

24-I-) Căn bản địa ngục 根本地獄 (central hell) : gồm 16 cửa địa ngục chia làm 2 nhóm.

A-) Tám nhiệt địa ngục đó là : 1) Đẳng hoạt 等活, simjava, 2-) Hắc thằng 黑繩, kaslasutra, 3-) Tuyến hợp 線合, samghata, 4-) Hiệu khiêu 號叫, raurava, 5-) Đại hô 大呼, maharaurava, 6-) Diêm nhiệt 炎熱, tapana, 7-) Đại nhiệt 大熱, pratapana, 8-) A ti 阿鼻, avici.

B-) Tám hàn địa ngục : 1) An phù đà 頽浮陀, arbuda 2) Ni thích bộ đa 尼刺部陀, niarbuda 3) A trá trá 阿吒吒, atala 4) A ba ba 阿波波, Hapapa 5) Hồ hồ bà 虎虎婆, huhuva 6) Ưu bát la 優鉢羅, utpala 7) Bát đặc ma 鉢特摩, padma 8) Ma ha bát đặc ma 摩訶鉢特摩, mahapadma.

24- II-) Cận biên địa ngục 近邊地獄(secondary hells): Còn gọi là thập lục du tăng địa ngục 十六遊增地獄. Tăng là thêm, du là du hành , vì tội nhân được du hành thêm từ ngục này đến ngục khác , Anh văn dịch là sixteen itinerant hells. Mỗi cửa ngục căn bản lại có 4 cửa ngục phụ ở 4 hướng, những cửa ngục phụ đó là : 1) Hắc sa địa ngục 黑沙地獄, the hell of black sands, 2) Phí phân địa ngục 沸屎地獄, the hell of boiling shit , 3) Thiết Đinh địa ngục 鐵釘地獄, the hell of iron nails, 4) Cơ nga địa ngục 饑餓地獄, the hell of starvation , 5) Khát địa ngục 渴地獄, the hell of thirst, 6) Nhất đồng vạc địa ngục 一銅鑊地獄, the hell of one bronze cauldron , 7) Đa đồng vạc địa ngục 多銅鑊地獄, the hell of many bronze cauldrons, 8) Thạch Ma địa ngục 石磨地獄, the hell of grinding stone, 9) Nùng huyết địa ngục 膿血地獄, the hell of pus and blood, 10) Lượng hỏa địa ngục 量火地獄, the hell of fire, 11) Hôi hà địa ngục 灰河地獄, the hell of ashen rivers, 12) Thiết hoàn địa ngục 鐵丸地獄, the hell of iron rings, 13) Càn phủ địa ngục 斬斧地獄, the hell of

axes and hatchets, 14) Sài lang địa ngục 豺狼地獄, the hell of wolves, 15) Kiếm thụ địa ngục 劍樹地獄, the hell of sword-trees, 16) Băng thủy địa ngục 寒水地獄, the hell of ice-water.

24-III-) Cô độc địa ngục 孤獨地獄: Tiếng Phạn là Lokantarika, Anh văn là isolated hells in the mountains or in the deserts.

25) Lương điền 良田 hay phúc điền 福田 : điền là ruộng. Mảnh ruộng, nơi có thể giúp con người gây dựng công đức, tạo những phúc đức để lại sau này.

26) Nan đà 難陀: Ananda, em họ của Đức Phật, một trong mười đại đệ tử của Đức Phật.

27-) Lục thần thông 六神通: Hay gọi tắt là lục thông : Tiếng Phạn gọi là sad-abhijna. 1-) Thần túc thông 神足通 : có thể biến hóa đi bất cứ nơi nào trong trời đất. 2-) Thiên nhãn thông 天眼通 có thể thấy được tất cả sắc giới, dục giới. 3-) Thiên nhĩ thông 天耳通 có thể nghe được mọi chuyện trong trời đất. 4-) Tha tâm thông 他心通 có thể biết được lòng người khác đang nghĩ gì. 5-) Túc mệnh thông 宿命通: Có thể biết được chuyện kiếp trước và kiếp sau của mình và của người khác. 6-) 漏盡通 lậu tận thông : Có thể diệt tuyệt tất cả những dục vọng của tam giới đến với mình, tiếng Phạn asrava-ksaya-saksatkarabhijna, Anh văn dịch là supernormal power of the complete extinction of afflictions.

28-) Nhiễm thân 染神: Nhiễm là ô nhiễm, tiếng Phạn là klista , tiếng Pali là Kilesa, tiếng Anh là defilement, đó là những thói xấu.

29-) Tràng phan 幢幡 : Xưa trong đạo Phật có hai loại cờ : cờ tràng và cờ phan. Cờ tràng tiếng Phạn là Dhvaja hay ketu, đó là những lá cờ , hay những băng (ribbon) bằng lụa ngũ sắc, tiếng Anh dịch là flag, pennant hay streamer . Cờ phan tiếng Phạn là pataka, đó là những lá cờ ngũ sắc , có hình chữ nhật (rectangular), treo theo chiều dài, tiếng Anh gọi là banner, trên cờ thường vẽ hình hay viết tên của chư Phật, chư bồ tát, chư thiên vương, ... hay viết những khẩu hiệu, như " Nam Mô A Di Đà Phật ", "Pháp luân thường chuyển "

30-) Vọng thực 妄食: Vọng là giả. Đây là những người giả dạng những người tu hành để đi khất thực, quyên tiền.

31-) Lục suy 六衰: còn gọi là Lục trần 六塵 : Đó là những gì chúng ta nhìn thấy , nghe thấy, ngửi thấy, nếm thấy, sờ thấy, nghĩ đến từ hoàn cảnh chung quanh đưa

đến, nên gọi là : Sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần. Lục suy còn gọi là: 六賊 lục tặc, lục nhập 六入, lục cảnh 六境, hay lục ngoại trần 六外塵 trong những kinh điển khác nhau.

32-) Ba Lợi Phát 波利弗 : Có lẽ là Ba Lợi Phát Đa 波利弗多, tiếng Phạn là Pataliputra , cựu thủ đô của vương quốc Magadha. Nay là thành phố Patna.

33-) Ngũ giới 五戒 : Tiếng Phạn là panca-sila, Anh văn là the five precepts. Đó là năm điều mà tất cả các Phật tử phải cố giữ : 1-Không sát sinh, 2-không trộm cắp, 3-không tà dâm, 4-không nói điều, nói dối, 5-không rượu chè.

34-)Thập thiện 十善 : 1) Không sát sinh, 2) Không trộm cắp, 3) Không tà dâm, 4) Không vọng ngữ, 5) Không ác khẩu, 6) Không lường thiệt, nói những lời ly gián 7) Không kỳ ngữ , ăn nói tục tằn, 8)Không tham lam 9) Không sân khuê, không nóng giận 10) Không tà kiến,

35-) Cúng dường 供養 : Theo Tự Điển Hán Việt thì hai chữ 供養 phải dịch là cúng dưỡng mới đúng. Chữ Phạn là puja , Anh văn dịch nghĩa chữ puja là to honour, to worship gods. Như vậy nguyên nghĩa của chữ puja chỉ có nghĩa thờ lạy, cung lễ không có nghĩa nuôi dưỡng. Cái nghĩa nuôi dưỡng là khi dịch từ chữ Phạn qua chữ Hán thêm vào. Chữ 供養 cúng dưỡng đã có trong chữ Hán từ đời nhà Châu (1066 AD - 256 AD), đã được dùng trong Kinh Thi chương Liễu Nga Tiên 詩經蓼莪箋 (551 AD - 479 AD), câu : " Cúng dưỡng nhật quả hĩ, nhi ngã bất đắc chung dưỡng 供養日寡矣, 而我不得終養 ". Theo Tự điển Hán Văn sử dị dùng chữ " cúng dưỡng Tam Bảo " là vì các tăng ni không nấu ăn, đi khát thực nên Phật tử ngoài việc thờ cúng Tam Bảo, còn phải phụng dưỡng chư tăng ni. Khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc thì vấn đề khát thực phải bỏ vì Nho giáo cho là khát thực, ăn xin là làm hổ nhục tổ tiên dòng họ.

Chữ 供養 cúng dưỡng khi dịch từ Hán văn qua Việt văn thành " cúng dường ". Chữ DUỜNG 莖 là một chữ nôm, theo Đại Tự Điển Chữ Nôm thì có 5 chữ có phát âm là dường, bốn chữ, có dạng khác nhau, nhưng chỉ có một nghĩa, dùng trong chữ " dường như ", một chữ thứ năm là một danh từ (noun) chỉ cái giường dùng để ngủ, nghỉ. Chữ DUỜNG nếu giải thích theo chữ nôm thì không đúng nghĩa với chữ Hán văn và chữ Phạn.

Từ chữ Hán chuyển qua chữ Hán Việt mà phiên âm lệch (trại) giọng có nhiều nguyên nhân: 1) Để tạo ra một chữ nôm mới cạnh chữ Hán Việt, thí dụ : Chữ 凶 (xiong) khi chuyển qua chữ Việt phiên âm là hung 凶, là một chữ Hán Việt, như

trong những chữ : hung thủ, hung tin...Một chữ khác phiên âm là huông凶 là chữ nôm, có nghĩa là xui xẻo như trong chữ huông miêng. 2) Vì các vùng phát âm khác nhau, như chữ 義 (yi), Ở miền Bắc đọc là nghĩa義, ở miền nam đọc là ngãi 義 như chữ : Quảng Ngãi 廣義. 3) Kỵ úy các vua và các hoàng tộc . Như chữ 任 (ren) : Trước thời vua Tự Đức đọc là nhậm , như nhậm vụ 任 務, nhậm kỳ 任期... Vì vua Tự Đức tên là Hồng Nhậm 洪任, để kỵ úy nhà vua, nên đổi là nhiệm, vì vậy nay ta dùng chữ nhiệm vụ 任 務, nhiệm kỳ 任期...4) Để tỏ lòng kính trọng : Chữ 養 dưỡng : như dưỡng dục chỉ dùng cho những người bề dưới mình như dưỡng dục con cái, đối với người bề trên mình như cha mẹ để tỏ lòng kính trọng không dùng chữ dưỡng mà dùng chữ dưỡng như : phụng dưỡng cha mẹ. Có lẽ cũng trong ý kính trọng Tam Bảo mà không dùng chữ " cúng dưỡng Tam Bảo " mà đổi thành chữ " cúng dường Tam Bảo ". Vậy chữ dưỡng trong chữ " cúng dường " không phải là chữ nôm mà là chữ Hán Việt đọc trại giọng, có nghĩa là cúng dưỡng.

Các loại cúng dường trong Phật giáo : Đối với chư tăng ni, theo 阿難四事經 A Nan Tứ Sự Kinh thì có tứ sự cúng dường đó là : Thức ăn, quần áo, nơi cư ngụ (shelter), thuốc men. Đối với Phật Pháp : Pháp cúng dường, hành cúng dường, in kinh, giảng kinh, phát nguyện làm những việc tốt ...Đối với chư Phật : Ngũ chủng cúng dường 五種供養 để cúng Phật : Hương, hoa, thực phẩm, đèn, dầu hương để thoa lên tượng Phật, cung kính cúng dường : tán tụng chư Phật qua thờ lạy, ca hát, kinh kệ, thơ văn, xây chùa, xây tháp, đúc tượng...

36-) 37 đạo phẩm 三十七品: Đó là 37 điều phải làm để đi đến giác ngộ, tiếng Pali gọi là bodhipakkhiya-dhamma. Gồm có : 四念處 Tứ niệm xứ (the four foundations of mindfulness), 四正勤 tứ chánh cần (the four right efforts), 四神足 tứ thần túc (the four roads to power), 五根 ngũ căn (the five spiritual faculties), 五力 ngũ lực (the five spiritual powers), 七覺支 thất giác chi (the seven factors of enlightenment), 八聖道 bát thánh đạo (the noble eightfold path).

37-) Nước Xá Vệ 舍衛國 tên tiếng Phạn là Sravasti hay Savatthi, một thành phố ở phía bắc Ấn Độ, nằm trên bờ sông Rapti. Trong thời Đức Phật, thành phố này là thủ đô của vương quốc Kosala với vị vua Pasenadi, một đệ tử của Đức Phật. Đây là một trong tám thánh địa của đạo Phật. Ở đây có hai tịnh xá nổi tiếng của Đức Phật : Jetavana do Anathapindika trưởng lão xây tặng và Pubbarama do nữ cư sĩ Visakha xây tặng. Đức Phật đã ghé lại thành phố này trong 19 mùa mưa (rainy season retreat), giảng 871 bài kinh tại thành phố này. 844 bài tại Jetavana, 23 bài tại Pubbarama, 4 bài tại ngoại thành Savatthi.

38-) Cây roi : Bản Hán văn dùng chữ蒲桃樹bồ đào thụ, tên khoa học là Syzygium jambos, tên Việt ở miền Bắc là cây roi, ở miền Nam là cây mận.

39-) Nữ cư sĩ : Trong bản kinh Hán văn dùng chữ優婆夷 ưu-bà-di, đây là chữ phiên âm của chữ Phạn upasika, có nghĩa là những nữ Phật tử chịu tam quy ngũ giới, luôn gần và cúng dường Tam Bảo. Upasika dịch nghĩa qua Hán văn là thanh tịnh nữ清淨女, thanh tín nữ清信女, cận thiện nữ近善女, cận sự nữ近事女 trong các kinh điển khác nhau. Nếu là phái nam thì gọi là ưu-bà-tắc 優婆塞 là chữ phiên âm của chữ Phạn Upasaka, Ưu-bà-tắc còn được dịch nghĩa ra Hán văn là thanh tín sĩ 清信士, cận sự nam 近事男, thiện túc nam 善宿男. Upasika và upasaka là chỉ những người thường dân, không có địa vị quan trọng trong xã hội, theo đạo Phật tu tại gia.

Chữ cư sĩ居士 là chữ dịch nghĩa của tiếng Phạn kulapati có nghĩa là người trưởng giả của một gia đình có địa vị, theo đạo Phật tu tại gia, như vua Pasenadi. Theo Thập tụng Luật chương sau : Cư sĩ là những người thân thuộc của những người cận thân của vua hay của những bà la môn, tu tại gia thì gọi là cư sĩ. (Thập tụng Luật lục viết : Cư sĩ giả, tùy vương, vương thân cận bà la môn chủng, dư tại gia bạch y, thị danh cư sĩ.十誦律六曰 : 「居士者, 除王王臣及婆羅門種。餘在家白衣, 是名居士.). Sau này chữ cư sĩ đã được dùng cho tất cả những người quy y Tam Bảo, tu tại gia không kể giai cấp.

40-) 18 sự十八事: Trong bản kinh Hán văn của Việt Tạng chỉ có 16 sự mà thôi. Thiếu sự thứ 15 và sự thứ 18. Theo quyển Tạp Thí Dụ Kinh xuất bản tại Trung Quốc thì sự thứ 16 trong Tạp Dụ Kinh của Việt Tạng chính là sự thứ 15, sự thứ 17 trong Tạp Dụ Kinh của Việt Tạng chính là sự thứ 16. Như vậy thì bản Tạp Dụ Kinh của Việt Tạng thiếu sự thứ 17 và sự thứ 18. Trong quyển Tạp Thí Dụ Kinh xuất bản tại Trung Quốc có sự thứ 17, không có sự thứ 18, nên đã đổ là " 17 sự " (thập thất sự 十七事). Nay tôi xin lấy sự thứ 17 của bản Tạp Thí Dụ Kinh xuất bản tại Trung Quốc bổ túc tại đây :

十七者正使能受深經, 依行得道難.

Thập thất giả chánh sử năng thọ thâm kinh, y hành đắc đạo nan.

Thứ 17 dù hiểu thấu được cái uyên thâm của các kinh điển mà đem được cái uyên thâm của các kinh điển này áp dụng vào đời để đi đến đắc đạo thì lại là khó.

Taisho Tripitaka Vol. 4, No. 204 雜譬喻經
Taisho Tripitaka Vol. 4, No. 204 tạp Thí dụ kinh

No. 204
No. 204

雜譬喻經
tạp Thí dụ kinh
Tạp Thí Dụ(1) Kinh

後漢月支沙門支婁迦讖譯
Hậu Hán Nguyệt Chi Sa Môn Chi-lâu-ca-sâm dịch
Đời Hậu Hán, người nước Nguyệt Chi (2), sa môn Chi Lô Ca Sâm (3) dịch từ tiếng Phạn qua tiếng Hán

(一) 昔有比丘聰明智慧。時病危頓。弟子問曰。

(nhất) tích hữu Tỳ-kheo thông minh trí tuệ 。 thời bệnh nguy đốn 。 đệ-tử vấn viết 。

Thí dụ 1 : Ngày xưa có một tỳ kheo, thông minh và đầy trí tuệ. Khi thầy bệnh nguy ngập, đệ tử hỏi thầy rằng :

成應真未。答曰未得。不還未也。

thành ưng chân vị 。 đáp viết vị đắc 。 Bất hoàn vị dã 。

Thầy đắc đạo A-la-hán (4) chứ ? Thầy trả lời : Chưa được. Đệ tử lại hỏi : Thầy đắc đạo bất hoàn chứ ? thầy trả lời : Chưa đâu.

問曰和上道高名遠。何以不至乎。和上告白。

vấn viết hòa thượng đạo cao danh viễn 。 hà dĩ bất chí hồ 。

Đệ tử lại thưa rằng : Hòa thượng có đạo hành cao và nổi tiếng , Vì sao không thành chánh quả ? Hòa thượng nói rằng :

已得頻來。二果未通。問之。

dĩ đắc tần lai 。 nhị quả vị thông 。 vấn chi 。

Đã đắc nhất lai quả tần vị (5) . còn hai quả vị cao hơn thì chưa đến. Đệ tử lại hỏi :

已得頻來礙何等事不至真人。答曰。

dĩ đắc tần lai ngại hà đẳng sự bất chí chân nhân 。 đáp viết 。

Đã đến nhất lai quả vậy tại sai không thành A-la-hán ? Hòa thượng trả lời :

欲觀彌勒佛時三會二百八十億人得真人時。及諸菩薩不可限載。

dục đở Di Lặc Phật thời tam hội nhị bách bát thập ức nhân đắc chân nhân thời 。 cập
chư Bồ-tát bất khả hạn tải 。

Vì muốn được dự tam kỳ Pháp Hội (6) của Đức Phật Di Lặc, lúc đó có hai trăm tám mươi ức
(7) người đắc đạo A-La-Hán và vô số kẻ bồ tát

彌勒如來巨身至尊長百六十丈。

Di lặc Như Lai cự thân chí tôn trường/trưởng bách lục thập trọng 。

Đức Phật Di Lặc là đáng chí tôn, thân thể vĩ đại dài sáu mươi trọng (8)

其土人民皆桃華色。人民皆壽八萬四千歲。

kỳ độ nhân dân giai đào hoa sắc 。 nhân dân giai thọ bát vạn tứ thiên tuế 。

Người ở trong thế giới của ngài hồng hào như hoa đào, nhân dân của ngài đều thọ tám vạn bốn
nghàn năm.

土地平正衣食自然。閻浮土地廣長各三十萬里。

độ địa bình chánh y thực tự nhiên 。 Diêm-phù độ địa quảng trường/trưởng các tam thập
vạn lý 。

đất đai của ngài bằng phẳng, nhân dân của ngài tự nhiên được ấm no, lãnh thổ của Đất Diêm
Phù (9) rộng lớn dài ba mươi vạn dặm

意欲見此不取真人。彌勒佛時二尊弟子。一曰雜施。

ý dục kiến thử bất thủ chân nhân 。 Di Lặc Phật thời nhị tôn đệ tử 。 nhất viết tạp
thí 。

vì muốn được thấy thế giới của ngài nên không muốn làm A la hán. Đức Phật Di Lặc có hai
đại đệ tử : Một người gọi là Tạp Thi,

二曰數數。復欲見之。知何如我弟子復問。

nhị viết sát sát 。 phục dục kiến chi 。 tri hà như ngã đệ tử phục vấn 。

Người khác là Số Số. Ta muốn được thấy xem có nư ta hay không. Đệ tử lại hỏi :

從何聞此。和上答曰。從佛經聞。弟子白曰。

tùng hà văn thử 。 hòa thượng đáp viết 。 tùng Phật Kinh văn 。 đệ tử bạch viết 。

Thầy ở đâu mà biết những điều này ? Thầy trả lời : Từ những kinh điển. Đệ tử lại thưa rằng :

生死勤苦。彌勒設有異法當往待之乎。

sanh tử cần khổ 。 Di lạc thiết hữu dị pháp đương vãng đái chi hồ 。

Sinh tử luân hồi thật là đau khổ, chẳng lẽ Đức Phật Di Lạc có phép lạ gì chẳng mà thầy phải chờ đợi ?

答曰無異。六度四等四恩四諦寧有異乎。

đáp viết vô dị 。 lục độ tứ đẳng tứ ân Tứ đế ninh hữu dị hồ 。

Hòa thượng bảo rằng : Không có phép lạ gì cả. Đệ tử lại hỏi rằng : Lục độ (10) tứ đẳng (11) tứ ân (12) tứ đế (13) của Đức Phật Di Lạc có khác hay không ?

答曰不也。設使一等彼此無異。何為復待。

đáp viết bất dã 。 thiết sử nhất đẳng bỉ thử vô dị 。 hà vi/vi/vị phục đái 。

Hòa thượng bảo rằng : Không khác gì cả. Đệ tử thưa rằng : Nếu không khác gì cả , thì đợi chờ làm chi ?

今受佛恩反歸彌勒。亦可取度不須待彼。

kim thọ/thụ Phật ân phản quy Di lạc 。 diệc khả thủ độ bất tu đái bỉ 。

Nay đã được ơn của Đức Phật lại còn muốn đợi về với Đức Phật Di Lạc . Sao thầy không chọn đắc đạo ngay bây giờ còn chờ đợi làm gì.

和上言止。卿且出去。吾當思惟。

hòa thượng ngôn chỉ 。 khanh thả xuất khứ 。 ngô đương tư tánh 。

Thầy bảo rằng : Thôi được, trò hãy lui đi để ta suy nghĩ.

弟子適出未到戶外。已成真人。弟子還曰。何乎。師曰。

đệ-tử thích xuất vị đáo hộ ngoại 。 dĩ thành chân nhân 。 đệ-tử hoàn viết 。 hà hồ 。

Đệ tử vừa chưa ra khỏi nhà. Thầy đã thành A la hán. Đệ tử trở lại hỏi : Thầy quyết định ra sao ? Thầy bảo rằng :

已成真人。弟子禮曰。咄叱之頃已成果證。

dĩ thành chân nhân 。 đệ-tử lễ viết 。 đốt sát chi khoảnh dĩ thành quả chứng 。

Đã thành A-la hán . Đệ tử bái lạy thưa rằng : Chỉ trong một thời gian ngắn như một tiếng hất xì hơi thầy đã thành chánh quả .

(二) 昔有比丘得定意時。野火燒不燒。

(nhị) tích hữu Tỳ-kheo đắc định ý thời 。 dã hỏa thiêu bất thiêu

Thi dụ thứ 2 Ngày xưa có một kỳ kheo khi nhập định, lửa đốt không cháy,

人見之謂是鬼。便斫之刀折不入。用心一故不入。

nhân kiến chi vị thị quỷ 。 tiện chước chi đao chiết bất nhập 。 dụng tâm nhất cố bất nhập 。

Người ta thấy tướng là ma. bèn lấy dao chém, dao mẻ nhưng chém không vào, vì tâm của người thiên định mềm không thể chém vào được .

柔軟故不燒。有人得定者。

nhu nhuyễn cố bất thiêu 。 hữu nhân đắc định giả 。

Thân người thiên định mềm dẻo lửa đốt cũng không cháy. Lại có một người khác khi thiên định

弟子呼之飯不覺。因前牽其臂。臂申長丈餘。

đệ-tử hô chi phạn bất giác 。 nhân tiền khiên kỳ tỳ 。 tỳ thân trường/trường trượng dư 。

đệ tử gọi ăn cơm cũng không biết, đệ tử bèn lấy tay kéo tay thầy đang thiên định, tay thầy bị kéo dài ra hơn một trượng

弟子怖便取結之。意恐結不可復解之。師禪寤苦臂痛。

đệ-tử bố/phổ tiện thủ kết chi 。 ý khủng kết/kiết bất khả phục giải chi 。 sư Thiên ngụ khổ tỳ thông 。

đệ tử sợ quá bèn lấy dây trói lại, sau nghĩ không nên trói thầy bèn cởi ra. Khi thầy tỉnh, thấy tay đau

問弟子。白如是。師言。汝不解寤我折我臂。

vấn đệ-tử。 bạch như thị。 sư ngôn。 như bất giải ngụ ngã chiết ngã tỳ 。

bèn hỏi đệ tử. Đệ tử thưa thật cùng thầy. Thầy bảo rằng : Sao không gọi ta dạy mà làm sái tay ta.

人得定意柔軟如綿。在母腹中亦爾。

nhân đắc định ý nhu nhuyễn như miên 。 tại mẫu phước trung diệc như 。

Người khi nhập định, thân thể mềm dẻo như bông, như lúc còn ở trong bụng mẹ.

(三) 昔罽賓國有一菩薩。始生墮地地有大動。

(tam) tích Kê Tân quốc hữu nhất Bồ Tát 。 thủy sanh đọa địa địa hữu Đại động

。 Thí dụ thứ 3 : Ngày xưa ở nước Kê Tân (14) có một bồ tát khi vừa lọt lòng mẹ là cả vùng đất quanh đó rung động mạnh.

父母皆驚。時有真人。低頭面禮華蓋供散。

phụ mẫu giai kinh 。 thời hữu chân nhân 。 đê đầu diện lễ hoa cái cung tán 。

Cha mẹ kinh sợ, lúc đó có một a la han đến lấy lọng che hài nhi và đỉnh lễ .

後長出家明哲辯慧。然多蕩佚乃無法度。

hậu trường/trường xuất gia minh triết biện tuệ 。 nhiên đa đãng dật nãi vô pháp độ 。

sau cậu bé lớn lên đầy trí tuệ và thông minh , xuất gia, nhưng rất phóng khoáng, không giữ những giới luật,

所說聞者輒令得道。時有二人共為比丘。

sở thuyết văn giả triếp lệnh đắc đạo 。 thời hữu nhị nhân cộng vi/vì/vị Tỳ-kheo 。
nhưng khi thuyết giảng Phật pháp thì người nghe lại đắc đạo. Lúc đó có hai vị tỳ kheo ,

精舍守戒清白積年。意不開解。天神語之。

Tịnh xá thủ giới thanh bạch tích niên 。 ý bất khai giải 。 thiên thần ngữ chi 。
tu và giữ kỹ những giới luật của tịnh xá nhiều năm, nhưng không hiểu được Phật pháp . Thiên
thần bèn chỉ cho họ rằng :

彼國有比丘多所化度。二人即往故遠歸請。

bỉ quốc hữu Tỳ-kheo đa sở hóa độ 。 nhị nhân tức vãng cố viễn quy thỉnh 。
Ở nước nọ có một thầy thuyết giảng Phật pháp rất hay đã hóa độ được nhiều người. Hai người
này bèn lên đường đi tìm đến

時此比丘彼國有比丘與姪女通。二人求現。

thời thử Tỳ-kheo bỉ quốc hữu Tỳ-kheo dữ dâm nữ thông 。 nhị nhân cầu hiện 。 \
lúc đó thầy đang có gian tình với một phụ nữ. Hai vị tỳ kheo từ xa đến xin gặp,

一人先入禮敬却坐。姪女故臥端正極世。

nhất nhân tiên nhập lễ kính khước tọa 。 dâm nữ cố ngọa đoan chánh cực thế 。
Một người vào trước gặp thầy, chào thầy và an tọa, thấy nơi thầy có một người phụ nữ thật đẹp
nằm ở trong phòng thầy.

專心聽經無他異念。便得道迹。稽首還。

chuyên tâm thỉnh Kinh vô tha dị niệm 。 tiện đắc đạo tích 。 khể thủ hoàn 。
nhưng người này chuyên tâm nghe giảng kinh, không hề nghĩ chuyện bất chánh, bèn đắc đạo,
bái tạ thầy và đi ra.

復使一前禮調訊坐聽。見臥姪女心念此人穢辱不良。

phục sử nhất tiền lễ điều tán tọa thỉnh 。 kiến ngọa dâm nữ tâm niệm thử nhân
ué nhục bất lương 。
Đến tỳ kheo thứ hai vào chào thầy và an tọa, thấy người phụ nữ nằm đó bèn nghĩ người này ô
ué dâm dăng,

唐苦遠來便棄出外。比丘曰何愁乃爾。

đường khổ viễn lai tiện khí xuất ngoại 。 Tỳ-kheo viết hà sàu nãi nhĩ 。
bèn bỏ ra buồn vì tiết công khó nhọc của mình từ xa đến. Vị tỳ kheo đầu hỏi vị này tại sao buồn
thế ?

知有邪見。曰乃誤我曹。涉曠辛苦。

tri hữu tà kiến 。 viết nãi ngộ ngã tào 。 thiệp khoáng tân khổ 。
biết tỳ khoe này có tà kiến. Vị thứ hai trả lời rằng : Thật hại chúng ta, chúng ta khó nhọc từ xa
đến tìm thầy học đạo, nhưng không may lại gặp vị thầy ô uế hoang đàng này.
師此污濁有是蕩行。曰卿為大非學士法。

sư thử ô trước hữu thị đặng hạnh/hành/hàng 。 viết Khanh vi/vì/vị Đại phi học sĩ Pháp 。
nhưng không may lại gặp vị thầy ô uế hoang đàng này. Tỳ kheo đầu trả lời rằng : Bạn nghĩ vậy là không đúng tư cách của một người đi tìm đạo.

但當正心聽受慧解。焉譏是非自生惡念令無所得。

đãn đương chánh tâm thính thọ tuệ giải 。 yên ky thị phi tự sanh ác niệm lệnh vô sở đắc 。

hãy giữ lòng mình chánh trực và nghe giảng những điều Phật pháp, nếu chê bai những chuyện thị phi này chỉ làm mình sinh những ác niệm, làm mình không được cái gì cả.

更自端心共入聽經。復得道迹。

cánh tự đoan tâm cộng nhập thính Kinh 。 phục đắc đạo tích 。

chúng ta hãy cùng vào, giữ lòng đoan chánh và nghe kinh, làm vậy hai người đều đắc đạo.

一得應真師為設賓便還本國。

nhất đắc ứng chân sư vi/vì/vị thiết tân tiện hoàn bản quốc 。

đều thành A-la hán, thầy làm cỗ khoản đãi chúc mừng, bèn ra về nước

師後典寺大用僧物通姪戲樂過度。眾僧議逐。有真人曰。且莫擯棄。

sư hậu điển tự đại dụng tăng vật thông thâm hí lạc/nhạc quá độ 。 chúng tăng nghị trực 。 hữu chân nhân viết 。 thả mạc bấn khí 。

Thầy sau tiêu xài quá nhiều ngân quỹ của nhà chùa trong việc hoang chơi quá độ, các sư trong chùa đề nghị trục xuất thầy. Có một a la hán khuyên can rằng :

雖用僧物能多化度。便止不逐。親親詣曰。

tuy dụng tăng vật năng đa hóa độ 。 tiện chỉ bất trục 。 thân thân nghệ viết 。

Tuy đã dùng nhiều ngân quỹ của chùa nhưng cũng độ được nhiều người. Nên xin được khỏi bị trục xuất ra khỏi chùa. Những người thân cận với thầy khuyên thầy rằng :

卿前弟子可往從乞備眾人物。

Khanh tiền đệ-tử khả vãng tùng khát bị chúng nhân vật 。

Thầy có thể đi đến những đệ tử cũ của mình xin các người quyên tặng tài vật để bồi hoàn lại cho bà chùa.

即到彼國大得眾寶還倍償僧。

tức đáo bỉ quốc đại đắc chúng bảo hoàn bội thường tăng 。

Thầy bèn đi qua các nước lân cận xin những đệ tử cũ của mình giúp đỡ tài vật để bồi hoàn cho chùa.

(四) 昔有賢者奉法精進。得病奄亡。

(tứ) tích hữu hiền giả phụng Pháp tinh tấn 。 đắc bệnh yểm vong 。

Thí dụ thứ 4 : Ngày xưa có một người hiền giữ giới luật và rất tinh tiến, khi bệnh gần mất

妻子嗥戀無聊有生。火葬收骨埋去既訖。

thê tử hào luyến vô liêu hữu sanh 。 hỏa táng thu cốt mai khứ ký cật 。

vợ con khóc thảm không muốn sống vì thương tiết, sau khi hỏa táng và an táng cốt tro xong,

廢忘經道香燈不設。

phế vong Kinh đạo hương đăng bất thiết 。

gia đình vì buồn đã bỏ cả hương đèn cúng kính,

家財饒富月旦晦朔烹殺饌餽上塚集會。相哭哀摧悲悼斷絕。

gia tài nhiều phú nguyệt đán hối sóc phan sát soạn 饌 thương trung tập hội

。 tướng khóc ai tòi bi điệu đoạn tuyệt 。

Vì gia đình khá giả nên mỗi ngày rằm mùng một đều làm cơm đem ra mộ cúng , khóc than thảm thiết

亡者戒德終乃昇天。天眼遙見愍其笑之愚癡之至。

vong giả giới đức chung nãi thăng thiên 。 Thiên nhãn dao kiến mẫn kỳ tiếu chi ngu si chi chí 。

linh hồn của người chết vì có đức độ nên được lên trời, từ trời thấy các người nhà khóc thảm mà phải phát cười,

便作小兒於邊牧牛。牛便卒死兒便嗥哭。

tiện tác tiểu nhi ư biên mục ngưu 。 ngưu tiện tốt tử tiện hào khóc 。

bèn hóa thành một cậu bé chăn trâu. Trâu chết cậu bé chăn trâu khóc sướt mướt,

刈草著前曉喻令食。復打呼起對泣自傳。

ngải thảo trước/trước tiên hiểu dụ lệnh thực/tự 。 phục đả hô khởi đối khấp tự truyền 。

cắt cỏ để trước miệng bảo trâu ăn, vừa khóc vừa vỗ vào trâu gọi trâu dậy ăn cỏ

如此終日。眾人怪笑共往呵問。汝誰家子。

như thử chung nhật 。 chúng nhân quái tiếu cộng vãng ha vấn 。 nữ thùy gia tử 。

làm như thế cả ngày. Các người thấy cười và hỏi rằng : bé con nhà ai ?

牛死當歸語家。嗥哭何益。牛死豈知乎。

ngưu tử đương quy ngữ gia 。 hào khóc hà ích 。 ngưu tử khởi tri hồ 。

Trâu đã chết nên về nhà báo cho người nhà biết, khóc có ích gì đâu. Trâu chết đâu có biết gì nữa đâu.

曰我不愚也。牛死尚在猶可有望。汝父早死。

viết ngã bất ngu dã 。 ngưu tử thượng tại do khả hữu vọng 。 nữ phụ tảo tử 。

Cậu bé chăn trâu trả lời : tôi không ngu đâu, trâu chết nhưng còn nằm đây, còn thấy được. Còn cha của quý vị chết đã lâu,

設百種食共向嗥哭。焦骨何知。眾聞霍解曰。
thiết bách chủng thực/tự cộng hưởng hào khóc 。 tiêu cốt hà tri 。 chúng văn hoặc
giải viết 。
làm trăm món ăn cúng khóc, cốt tro có biết gì đâu. Các người nghe không hiểu ý của cậu bé.

吾本汝父蒙佛生天故來釋卿。因還復天身。
ngô bản nhữ phụ mông Phật sanh thiên cố lai thích khanh 。 nhân hoàn phục Thiên
thân 。
Cậu bé bèn nói rằng ta chính là cha của các người được ơn Phật được sinh vào cõi trời, đến đây
để nói cho mọi người hiểu, liền biến trở lại thân hình cũ

欲得如我加進道供已忽不現。妻子內外便還精進。
dục đắc như ngã gia tiến đạo cung/cúng dĩ hốt bất hiện 。 thê tử nội ngoại tiện
hoàn tinh tấn 。
và bảo rằng : Muốn được như ta phải siêng năng học đạo, nói xong bèn biến mất. Vợ con và họ
hàng nội ngoại về bèn chuyên cần tu tập.

戒德布施拯濟一切不復憂愁。
giới đức bố thí chủng tế nhất thiết bất phục ưu sầu 。
giữ giới luật, bố thí và cứu tế người nghèo khó, không còn lo âu sầu muộn nữa

皆得道迹同時生天。
giai đắc đạo tích đồng thời sanh thiên 。
sau tất cả đắc đạo được về thiên giới.

(五) 海中有一國名私訶疊。

(ngũ) hải trung hữu nhất quốc danh tư ha điệp 。
Thí dụ thứ 5 Ngày xưa giữa biển có một quốc gia gọi là Tư Ha Điệp (15).

中多出珍寶唯無石蜜。時有賈人。持五百餘車石蜜。
trung đa xuất trân bảo duy vô thạch mật 。 thời hữu cố nhân 。 trì ngũ bách dư xa
thạch mật 。
Nước này sản xuất rất nhiều loại báu vật nhưng không có đường phèn, lúc đó có một lái buôn
nghĩ nếu đem năm trăm xe đường phèn

往念欲上王。所得賞報必勝市賣。
vãng niệm dục thượng Vương 。 sở đắc thưởng báo tất thắng thị mại 。
đưa đến cống biểu cho nhà vua, hy vọng được nhà vua trọng thưởng nhiều hơn là đem bán trên
thị trường,

便以石蜜置王宮門。作事自陳。如是月日之中無有問者。
tiện dĩ thạch mật trí vương cung môn 。 tác sự tự trần 。 như thị nguyệt nhật chi trung
vô hữu vấn giả 。

Ông bèn đem đường phèn đến trước cửa hoàng cung và tâu cùng ý định. Như thế trải qua ít tháng không ai hỏi han gì cả.

恚曰。彼王亦是人。我亦是人。

nhuế/khuể viết 。 bĩ Vương diệc thị nhân 。 ngã diệc thị nhân 。

Ông này bèn buồn giận và nói rằng : Vua là người, ta cũng là người.

眼耳鼻口四大俱爾。乃不可得一見與言語也。

nhãn nhĩ tỳ khẩu tứ đại câu nhĩ 。 nãi bất khả đắc nhất kiến dữ ngôn ngữ dã 。

cũng có mắt, tai, mũi, miệng như nhau. Nhưng ta lại không được vua ngó nhìn để một cái, không được hỏi để một lời,

何則王福德勝人故也。吾亦當作功德。

hà tức Vương phước đức thắng nhân cố dã 。 ngô diệc đương tác công đức 。

Phải chăng vì vua làm nhiều công đức hơn người ? Như vậy ta cũng phải làm nhiều công đức.

當令王不覺來歸我。時遂行作沙門。以蜜供養三尊。

đương lệnh Vương bất giác lai quy ngã 。 thời toại hạnh/hành/hàng tác Sa Môn 。

đĩ mật cúng dường tam tôn 。

để vua sau này phải đến gặp ta. Vì vậy ông bỏ đi tu, và lấy đường phèn cúng dường Tam Bảo

求一靜處思惟苦空非身。使其未半。

cầu nhất tĩnh xứ/xử tư tánh khổ không phi thân 。 sử kỳ vị bán 。

Ông tìm nơi thanh tịnh để suy ngẫm về khổ đế, về thuyết không, về phi thân (16). Số đường phèn nhà chùa chưa dùng đến một nửa ,

意解無縛得六通道。諸能一處不移成羅漢者。地為震動。

ý giải vô phược đắc lục thông đạo 。 chư năng nhất xứ/xử bất di thành La-hán giả

。 địa vi/vì/vị chấn động 。

thì tâm hồn của ông đã không còn vương mắc gì nữa, đã hiểu được lục đạo (17) và đắc đạo A la hán. Đất cũng phải rung động kính phục.

帝釋諸天應來慰問。

Đế Thích chư Thiên ứng lai úy vấn 。

Đế Thích (18) và chư thiên cũng đến chúc mừng.

於是天帝諸天人皆下作禮助其歡喜。比丘問天帝。

ư thị Thiên đế chư Thiên Nhân giai hạ tác lễ trợ kỳ hoan hỉ 。

Tỳ-kheo vấn Thiên đế 。

Lúc Thiên Đế và chư thiên đến kính lễ và chia vui, tỳ kheo hỏi Thiên Đế rằng :

卿等天上盡何所為。答曰。天上有四戲觀園。

khanh đẳng Thiên thượng tận hà sở vi/vì/vị 。

đáp viết 。

Thiên thượng hữu tứ hí quán viên 。

Thiên Đế và các chư thiên ở trên trời thường làm gì ? Thiên Đế trả lời rằng : Trên trời có bốn khu vườn du chơi

三處是五欲處。一處是道德。在中或論佛貴典。

tam xứ/xử thị ngũ dục xứ/xử 。 nhất xứ/xử thị đạo đức 。 tại trung hoặc luận Phật quý điển 。

Ba khu là những nơi về ngũ dục, một khu là nơi về đạo đức, nơi đó để thảo luận Phật pháp kinh điển hay thảo luận về tinh thần tinh tiến, lòng giữ đạo pháp của thiên hạ tứ chúng.

或時論天下四輩精進持法者。比丘曰。

hoặc thời luận thiên hạ tứ bối tinh tấn trì pháp giả 。

Tỳ-kheo viết 。

hay thảo luận về tinh thần tinh tiến, lòng giữ đạo pháp của thiên hạ tứ chúng. Tỳ Kheo lại hỏi rằng :

論持者為一等也。為有深淺乎。天帝曰。普論善人耳。

luận trì giả vi/vi/vị nhất đẳng dã 。

vi/vi/vị hữu thâm thiên hồ 。

Thiên đế viết 。

phổ luận thiện nhân nhĩ 。

Bàn về giữ giới luật là chính, có bàn về trình độ giữ giới luật cao thấp hay không? Thiên Đế bảo rằng : Chỉ thảo luận chung chung những người thiện mà thôi.

佛泥曰以來有三人諸天持論未曾廢捨。

Phật nê viết dĩ lai hữu tam nhân chư Thiên trì luận vị tăng phế xả 。

Từ khi Đức Phật nhập Niết bàn đến nay, có ba người mà chư thiên bàn luận không ngừng.

比丘曰。斯何人也。天得與我一一說之。

Tỳ-kheo viết 。

tư hà nhân dã 。

Thiên đắc dĩ ngã nhất nhất thuyết chi 。

Tỳ kheo hỏi rằng : Những người đó là ai ? Xin Thiên Đế nói rõ từng người một cho tôi nghe.

天帝言。波羅柰國有一人作沙門。自誓言。

Thiên đế ngôn 。

ba la nại quốc hữu nhất nhân tác Sa Môn 。

tự thệ ngôn 。

Thiên Đế nói rằng : Ở nước Ba la nại (19) có một người sa môn tự thề nguyện rằng

當經行仿佯不得應真終不臥息。於是晝夜經行。

đương kinh hành phảng dương bất đắc ưng chân chung bất ngọa tức 。

ur thị trú dạ kinh hành 。

mỗi khi kinh hành (20) sẽ học theo những A la hán không ngủ nghỉ, từ đó ngày đêm kinh hành

足壞流血百鳥逐啄。三年得道。

túc hoại lưu huyết bách điểu trực trác 。

tam niên đắc đạo 。

đến chân bị lở loét chảy máu chim chóc chạy theo rĩa thịt ăn. Ba năm sau đắc đạo.

諸天稱察無不奉承矣。有一人在羅闍祇國亦作沙門。

chư Thiên xưng sát vô bất phụng thừa hĩ 。 hữu nhất nhân tại La duyệt kì quốc
diệt tác Sa Môn 。

Chư thiên xem thấy vô cùng khen ngợi. Có một người khác ở nước La duyệt kì (21) cũng là một
sa-môn

布草為蓐坐其上。自誓曰。不得道終不起。

bố thảo vi/vì/vị nhục tọa kỳ thượng 。 tự thệ viết 。 bất đắc đạo chung bất khởi 。
trải cỏ thành một cái nệm và ngồi trên đó, thề rằng nếu không đắc đạo thì sẽ không đứng dậy

而蔭蓋來但欲睡眠。使人作錐長八寸。

nhĩ âm cái lai đăn dục thụy miên 。 sử nhân tác trùy trường/trưởng bát thốn 。
khi tối đến buồn ngủ quá , bèn gọi người làm một cây trụ dài tám phân

睡來時便刺兩髀。以瘡痛不睡。一年之中得應真道。

thụy lai thời tiện thứ lượng (lưỡng) bễ 。 dĩ sang thống bất thụy 。 nhất niên chi
trung đắc ung chân đạo 。

khi buồn ngủ bèn lấy cây trụ đâm vào hai đùi, để cho đau đớn không thể ngủ được. Trong một
năm tỳ kheo này đắc đạo A la hán.

天亦歎未曾有也。

Thiên diệt tán vị tăng hữu dã 。

Chư thiên vô cùng tán phục.

復有一人在拘睢尼國亦作沙門。在山石室峻險。卒無能得往來者。

phục hữu nhất nhân tại câu đàm ni quốc diệt tác Sa Môn 。 tại sơn thạch thất tuần
hiểm 。 tốt vô năng đắc vãng lai giả 。

Lại có một người ở nước Câu đàm ni, cũng là một sa môn, ở trong một hang động trên một núi
cao hiểm trở, không có ai có thể lên được,

時魔波旬見其精進。便化作水牛。

thời Ma ba tuần kiến kỳ tinh tấn 。 tiện hóa tác thủy ngưu 。

lúc đó ma vương (22) thấy lòng tinh tiến của tỳ kheo này thật vững mạnh, bèn hóa thành một
con trâu

在比丘前鳴鼻角目。以欲觸之。比丘甚畏而思曰。

tại Tỳ-kheo tiền minh tỳ giác mục 。 dĩ dục xúc chi 。 Tỳ-kheo thậm úy nhi tư viết
。

chạy đến trước tỳ kheo gầm và lấy sừng định húc tỳ kheo. Tỳ kheo thật sợ nhưng nghĩ rằng

此間牛所不能得至。何以有此。得無是魔所為也。

thử gian ngưu sở bất năng đắc chí 。 hà dĩ hữu thử 。 đắc vô thị ma sở vi/vì/vị dã 。

con trâu này sao có thể lên được đây. Không có thể nào có chuyện này được, nhất định phải là
ma mà thôi.

即(口*戒)言。汝是弊魔所為耶。

tức (khẩu *giới)ngôn 。 như thị tặc ma sở vi/vì/vị da 。
bèn nói rằng : Đây là trò ma mà thôi.

魔謂已知便服本形。比丘語魔。卿恐我何求。魔言。

ma vị dĩ tri tiện phục bản hình 。 Tỳ-kheo ngữ ma 。 khanh khủng ngã hà cầu
。 ma ngôn 。

Ma thấy tỳ kheo đã biết đành hiện hình mình ra. Tỳ kheo bèn hỏi ma rằng : Khanh dọa ta muốn
cầu xin ta cái gì chẳng ? Ma nói rằng :

見道人精勤恐出我界去。故來相恐矣。比丘說言。

kiến đạo nhân tinh cần khủng xuất ngã giới khứ 。 cố lai tương khủng hĩ 。 Tỳ-kheo
thuyết ngôn 。

Thấy tỳ kheo tinh tiến sợ tỳ kheo sẽ đắc đạo ra khỏi dục giới bèn đến dọa chơi. Tỳ kheo trả lời
rằng :

我所以作沙門者求度世間。

ngã sở dĩ tác Sa Môn giả cầu độ thế gian 。

Ta sở dĩ đi tu là mong cứu độ chúng sinh.

佛有相好欲見之耳。佛以去世無能見者。

Phật hữu tướng hảo dục kiến chi nhĩ 。 Phật dĩ khứ thế vô năng kiến giả 。

Nghe nói Đức Phật có các tướng tốt thật muốn được thấy, nay Đức Phật đã nhập Niết Bàn làm
sao mà thấy được nữa,

聞魔能變作佛身為吾現之。吾便不復精進也。

văn ma năng biến tác Phật thân vi/vì/vị ngô hiện chi 。 ngô tiện bất phục tinh tấn dã 。

nghe nói ma có thể hóa thân thành Phật vậy khanh có thể hóa cho ta xem, được thấy những
tướng tốt của đức Phật thì ta mãn nguyện, không tinh tiến nữa.

魔其當然即化為佛在前立。思惟即得應真。

ma kỳ đương nhiên tức hóa vi/vì/vị Phật tại tiền lập 。 tư tánh tức đắc ứng chân 。

Ma bèn lập tức hóa thân thành Phật trước mặt tỳ kheo. Tỳ kheo suy niệm bèn đắc đạo A la hán.

諸天空中稱善無量。魔悔愁毒即時滅去。天帝語比丘。

chư Thiên không trung xưng thiện vô lượng 。 ma hối sầu độc tức thời diệt khứ
。 Thiên đế ngữ Tỳ-kheo 。

Chư thiên trên không tán thán vô cùng. Ma vô cùng hối tiếc bèn biến mất. Thiên Đế nói với tỳ
kheo rằng :

是三人諸天所歎于今未休。比丘語天帝。

thị tam nhân chư Thiên sở tán thán vu kim vị hưu 。 Tỳ-kheo ngữ Thiên đế 。

đó là ba người mà chư thiên tán thán không ngừng. Tỳ kheo thưa với Thiên Đế rằng :

此三人者。明識苦空是以朽身。吾本無意為人所輕。

thử tam nhân giả 。 minh thức khổ không thị dĩ hủ thân 。 ngô bản vô ý vi/vi/vi nhân sở khinh 。

Ba người này biết được khổ, không, và cái thân tàn nên đi tu. Tôi vì bị người ta khinh

遂行求道得出三界。亦復奇妙亦得應真。

toại hạnh/hành/hàng cầu đạo đắc xuất tam giới 。 diệc phục kì diệu diệc đắc ứng chân 。

nên đi tu cầu đạo để được ra khỏi tam giới, thật kỳ lạ cũng đắc đạo A la hán.

諸天報曰。今還天上以道人上頭第一。

chư Thiên báo viết 。 kim hoàn Thiên thượng dĩ đạo nhân thượng đầu đệ nhất 。

Chư thiên bảo rằng : Hôm nay về trời sẽ tâu là tỳ kheo hạng nhất .

於是諸天作禮而去。於是國王聞石蜜主勤行得道。

ư thị chư Thiên tác lễ nhi khứ 。 ư thị Quốc Vương văn thạch mật chủ cần hạnh/hành/hàng đắc đạo 。

sau đó chư thiên chào và ra về. Quốc vương được tin là người chủ của những xe đường phèn , chuyên cần tu tập và đã đắc đạo

即往稽首叩頭謝過。遂為國師。

tức vãng khê thủ khấu đầu tạ quá/qua 。 toại vi/vi/vi Quốc Sư 。

bèn đến bái chào, tạ tội và phong tỳ kheo làm quốc sư

興隆三寶國致太平。得福得度不可復計。

hưng long Tam Bảo quốc trí thái bình 。 đắc phước đắc độ bất khả phục kế 。

Tỳ kheo đã giúp chấn hưng Tam Bảo, quốc thái dân an, số người được phước, được siêu độ vô số kể .

(六) 昔有一病人。眾醫不能治差。

(lục) tích hữu nhất bệnh nhân 。 chúng y bất năng trị sai 。

Thí dụ thứ 6 . Trước đây có một người bị một bệnh mà tất cả các thầy thuốc đều bó tay .

徑來投國王。王名薩和檀。以身歸大王。慈願治我病。

kính lai đầu Quốc Vương 。 Vương danh tát hòa đàn 。 dĩ thân quy Đại Vương 。 từ nguyện trị ngã bệnh 。

Người bệnh bèn đến cầu cứu nhà vua Tát hòa đàn. Người bệnh gửi thân mình cho vua, nguyện xin lòng từ tâm của vua giúp trị bệnh cho.

王即付諸師。勅令為治病。諸醫啟王 。

Vương tức phó chư sư 。 sắc lệnh vi/vi/vi trị bệnh 。 chư y khai Vương 。

Vua bèn gọi các thái y đến, ra lệnh trị bệnh cho người nay. Các thái y thưa cùng vua rằng :

此藥不可得。王問諸師曰。其藥名何等。

thử dược bất khả đắc。 Vương vấn chư sư viết。 kỳ dược danh hà đẳng。 Không tìm được loại thuốc để trị bệnh này. Vua hỏi các thái y : Thuốc tên là gì?

世無五毒人其肉中作湯。服此便得差。

thế vô ngũ độc nhân kỳ nhục trung tác thang。 phục thử tiện đắc sai。 Thái y thưa rằng : Phải lấy thịt của người không có ngũ độc để sắc thuốc, uống thì sẽ lành bệnh, nhưng ở đời này đâu có người nào không có ngũ độc đâu.

何等為五毒。一者無貪婬心。二者無瞋恚心。

hà đẳng vi/vi/vị ngũ độc。 nhất giả vô tham dâm tâm。 nhị giả vô sân khuê tâm。 Vua hỏi : Cái gì gọi là ngũ độc. Thái y thưa rằng : thứ nhất không có lòng tham dâm, thứ hai không có lòng sân khuê,

三者無愚癡心。四者無妬嫉心。五者無尅虐心。

tam giả vô ngu si tâm。 tứ giả vô đố tạt tâm。 ngũ giả vô khắc ngược tâm。 thứ ba không có lòng ngu si, thứ tư không có lòng nghi kỵ, thứ năm không có lòng ác độc.

若有此人者其病便愈。王告諸師曰。

nhược hữu thử nhân giả kỳ bệnh tiện dĩ。 Vương cáo chư sư viết。 Nếu có người như vậy thì có thể trị lành bệnh này. Vua bảo thái y rằng :

此人來歸我。唯我無此毒。即割身上肉與之令合湯。

thử nhân lai quy ngã。 duy ngã vô thử độc。 tức cắt thân thượng nhục dĩ chi lệnh hợp thang。

Người này đến cầu cứu ta, duy ta không có những độc tính đó, hãy lấy thịt ta đem sắc thuốc đi.

病者服愈便發摩訶衍。

bệnh giả phục dĩ tiện phát Ma-ha diên。

Người bệnh uống thuốc, bệnh khỏi ngay và đắc đạo Đại Thừa.

(七) 昔有迦羅越。常願見文殊師利。

(thất) tích hữu Ca la việt。 thường nguyện kiến Văn-thù-sư-lợi。

Thí dụ thứ bảy. Ngày xưa có một vị cư sĩ (23) thường ước nguyện được gặp Văn -thù-sư-lợi bồ tát.

迦羅越便大布施并設高座訖。

Ca la việt tiện Đại bố thí tinh thiết cao tọa cật。

Cư sĩ bèn lập đàn cúng tế, làm nhiều bố thí và làm một ngai cao.

便有一老翁甚大醜惡。眼中眇出鼻中洩出口中唾出。

tiện hữu nhất lão ông thậm đại xú ác。 nhãn trung si xuất tỳ trung di xuất khẩu trung thóa xuất。

lúc đó có một cụ lão trông thật xấu xí, mắt thì lồi, mũi thì chầy đến ngồi trên ngai cao đó,

迦羅越見在高座上便起意。我今日施高座。

Ca la viết kiến tại cao tọa thượng tiện khởi ý 。 ngã kim nhật thí cao tọa 。
Cư sĩ bèn nghĩ rằng hôm nay ta làm ngai cao này

高尚沙門當在其上。汝是何等人。便牽著地布施訖。

cao thượng Sa Môn đương tại kỳ thượng 。 nhữ thị hà đẳng nhân 。 tiện khiên
trước/trứ địa bố thí cật 。

là để cho những vị cao tăng ngồi, người này là ai mà dám ngồi trên cao đó bèn kéo cụ này
xuống. Sau khi cúng lễ xong,

迦羅越便然燈燒香。著佛寺中言。

Ca la viết tiện Nhiên Đăng thiêu hương 。 trước/trứ Phật tự trung ngôn 。

Cư sĩ bèn đến chùa đốt đèn hương lên và khẩn rằng

持是功德現世見文殊師利便自還歸家疲極臥。

trì thị công đức hiện thế kiến Văn-thù-sur-lợi tiện tự hoàn quy gia bì cực ngoạ 。

xin đem công đức này van xin được gặp Văn thù sư lợi bồ tát trong đời này. Cư sĩ về nhà mệt
mỏi và đi ngủ.

夢有人語言。汝欲見文殊師利。見之不識。

mộng hữu nhân ngữ ngôn 。 nhữ dục kiến Văn-thù-sur-lợi 。 kiến chi bất thức 。

Trong giấc mơ nghe có người hỏi ông rằng, ông ước mong gặp Văn sù sư lợi bồ tát, nhưng ông
gặp mà không biết.

近前高座上老翁正是文殊師利。汝便牽著地。

cận tiền cao tọa thượng lão ông chánh thị Văn-thù-sur-lợi 。 nhữ tiện khiên trước/trứ
địa 。

cụ già ngồi trên ngai cao đó chính là Văn-thù-sur-lợi bồ tát , ông kéo xuống

如是前後七反見之。不識當那得見文殊師利。

như thị tiền hậu thất phản kiến chi 。 bất thức đương na đắc kiến Văn-thù-sur-lợi 。

trước sau đến bảy lần. Không biết Văn-thù-sur-lợi bồ tát thì sao mong gặp được Văn-thù-sur-lợi
bồ tát.

若人求菩薩道。一切當等心於人。

nhược/nhã nhân cầu Bồ Tát đạo 。 nhất thiết đương đẳng tâm ư nhân 。

Nếu muốn tu bồ tát đạo, thì đối với mọi người phải bình đẳng.

求菩薩道者。文殊師利便往試之。當覺是意。

cầu Bồ Tát đạo giả 。 Văn-thù-sur-lợi tiện vãng thí chi 。 đương giác thị ý 。

Người tu Bồ Tát đạo , Văn-thù-sur-lợi bồ tát sẽ đến thử lòng của họ như vậy.

(八) 為無常家說譬喻。

(bát) vi/vi/vị vô thường gia thuyết thí dụ。
thí dụ thứ tám. Thí dụ về chuyện vô thường của một gia đình.

有一大樹其果如二升瓶。其果垂熟。有鳥飛來住樹枝上方住。
hữu nhất Đại thụ/thọ kỳ quả như nhị thăng bình。 kỳ quả thùy thực。 hữu ô phi
lai trụ/trú thụ/thọ chi thượng phương trụ/trú。
Ngày xưa có một cây cổ thụ có quả to như cái bình, khi quả gần chín, có con quạ đến làm tổ trên
cây

果落烏頭殺。樹神見此。而作偈言。
quả lạc ô đầu sát。 thụ/thọ Thần kiến thử。 nhi tác kệ ngôn。
quả rụng rơi trên đầu con quạ và giết con quạ, thụ thần (the tree diety) thấy vậy bèn làm bài
kệ sau đây :

烏來不求死 果墮不為烏
ô lai bất cầu tử quả đọa bất vi/vi/vị ô
Quạ đến đâu muốn tìm cái chết, quả rụng nào có ý giết quạ

果熟烏應死 因緣會使爾
quả thực ô ưng tử nhân duyên hội sử nhĩ
quả chín, quả rụng, giết quạ, ôi nhân duyên hội tụ quả vậy thôi.

人在世間罪福會遲速合無有前却。
nhân tại thế gian tội phước hội trì tốc hợp vô hữu tiền khước。
Ở đời họa phúc đến nhanh hay chậm không ai biết được trước

黠人得罪不怨得福不喜。
hiệt nhân đắc tội bất oán đắc phước bất hỉ。
Người khôn ngoan được họa không oán hận, được phúc không mừng vui.

爾乃為諦信佛言受持不離。三界之中有九十六種道。
nhĩ nãi vi/vi/vị đế tín Phật ngôn thọ trì bất ly。 tam giới chi trung hữu cửu thập lục chủng
đạo。
sau nên tin vào những chân lý của Đức Phật dạy thọ trì đừng quên. Ở tam giới này có chín mươi
sáu giáo phái.

世人各奉其所事冀神有益。此諸小道未曉為福。
thế nhân các phụng kỳ sở sự kí Thần hữu ích。 thử chư tiểu đạo vị hiểu vi/vi/vị
phước。
người đời mỗi người đều thờ phụng những thần thánh mà họ nương tựa vào. Những điều phúc
người ta được từ những thần thánh này thật nhỏ nhen, chưa có thể coi nó là phúc đâu,

豈能執德。所以爾者。不識三尊之上明。

khởi năng chấp đức 。 sở dĩ nhĩ giả 。 bất thức tam tôn chi thượng minh 。
chưa có phải là đức đâu, vì sao vậy, vì không biết cái ánh sáng của Tam Bảo,

不執五戒之清真。無有八正之深見。豈能祐濟於人乎。

bất chấp ngũ giới chi thanh chân 。 vô hữu bát chánh chi thâm kiến 。 khởi năng hữu tế
ư nhân hồ 。

không giữ cái thanh tịnh của ngũ giới, không biết cái uyên thâm của bát chánh đạo, như vậy
chưa có phù hộ giúp ích gì cho họ đâu.

是以名之薄田耳。

thị dĩ danh chi bạc điền nhĩ 。

Cái phúc mà họ được chỉ là cái phúc mỏng manh mà thôi.

(九) 有能敬佛三尊。監通三世。明天堂之福。

(cửu) hữu năng kính Phật tam tôn 。 giám thông tam thế 。 minh Thiên đường
chi phước 。

Thí dụ thứ 9. Người biết kính Phật, Pháp, tăng, hiểu tam thế : quá khứ, tương lai và hiện tại,
hiểu cái phúc của thiên đường.

審太山之罪。至信三寶以塞三塗。

thẩm thái sơn chi tội 。 chí tín Tam Bảo dĩ tắc tam đồ 。

biết cái tội của địa ngục (24), biết tin kính Tam Bảo hy vọng tránh khỏi vào giới tam ác đạo ,

強智慧之力以消三界癡冥。

cường trí tuệ chi lực dĩ tiêu tam giới si minh 。

cố tu tập để tăng cường trí tuệ lên để phá tan cái nghi hoặc của tam giới

修六淨神水以蕩六患之穢。故能輕財損身口分。行等之施。

tu lục tịnh Thần thủy dĩ đãng lục hoạn chi uế 。 cố năng khinh tài tổn thân khẩu
phần 。 hạnh/hành/hàng đẳng chi thí 。

cố tu tập để lục căn được thanh tịnh , để gột rửa cái ô uế của lục trần, vì vậy có thể coi nhẹ tiền
bạc, có thể rộng tay bố thí để giảm bớt những tội lỗi của mình.

以樹來世之本。施一萬報疾若響應。

dĩ thụ/thọ lai thế chi bản 。 thí nhất vạn báo tật nhược/nhã hưởng ứng 。

để làm cái vốn tốt cho kiếp sau, bố thí một phần thì được hàng vạn phần ơn phước, quả báo sẽ
đến một cách nhanh chóng.

故言大道三界之良田也。何以明之。昔阿育王曾作小兒時。
cổ ngôn đại đạo tam giới chi lương điền dã 。 hà dĩ minh chi 。 tích A-dục Vương tăng
tác tiêu nhi thời 。
đó chính là cái phúc điền (25) cho tam giới. Tại sao chúng ta biết được ? Ngày xưa Á Dục
Vương lúc còn thiếu thời

道遇佛不勝歡喜。以少沙土至心奉佛。
đạo ngộ Phật bất thắng hoan hỷ 。 dĩ thiểu sa độ chí tâm phụng Phật 。
trên đường gặp đức Phật, ngài vô cùng hoan hỷ, bèn lấy một nắm đất với tất cả lòng thành
cúng dâng Đức Phật,

由此之福故得為聖王。典主四十萬里十六大國。
do thử chi phước cố đắc vi/vì/vị Thánh Vương 。 điển chủ tứ thập vạn lý thập lục đại
quốc 。
vì vậy mà được bao ơn phước nên sau thành thánh vương, làm vua chúa của một vùng rộng
bốn mươi vạn dặm, thống lãnh 16 nước lớn,

以此明之。佛最為良田。昔佛弟難陀。
dĩ thử minh chi 。 Phật tối vi/vì/vị lương điền 。 tích Phật đệ Nan-đà 。
Với những điều hiển nhiên nay, phụng thờ chư Phật là phúc điền tốt nhất. Ngày xưa đệ tử của
Đức Phật , thầy Nan đà (26)

乃往昔惟衛佛時人。一洗眾僧之福。
nãi vãng tích duy vệ Phật thời nhân 。 nhất tẩy chúng tăng chi phước 。
là người cùng thời với Đức Phật, được phước hơn tất cả các tăng chúng,

功德自追生在釋種。身珮五六之相。神容晃昱金色。
công đức tự truy sanh tại Thích chủng 。 thân bội ngũ lục chi tướng 。 Thần dung
hoảng dục kim sắc 。
được công đức là em họ của Đức Phật, thân thể có năm sáu loại tướng tốt, thân sắc sán láng như
vàng.

乘前世之福。與佛同世研精道場便得六通。
thừa tiền thế chi phước 。 dĩ Phật đồng thế nghiên tinh đạo tràng tiện đắc lục thông 。
nhờ các phúc của kiếp trước, được sống cùng thời và tu tập với Đức Phật nên được lục thần
thông (27)

古人施一猶有弘報。況今檀越能多行者乎。
cổ nhân thí nhất do hữu hoàng báo 。 huống kim đàn việt năng đa hành giả hồ 。
Người xưa bố thí có một mà được ơn phước to lớn, nếu nay các thí chủ có thể bố thí nhiều

普等之行必速尊號。加增歡喜廣度一切。

phổ đẳng chi hạnh/hành/hàng tất dài tôn hiệu 。 gia tăng hoan hỷ quảng độ nhất thiết 。 những thiện nghiệp này sẽ giúp các thí chủ đạt đến những bậc cao tôn, gia tăng hoan hỷ quảng độ chúng sinh.

(一〇) 法言。染神億劫不朽煎熬生死。

(nhất 〇) Pháp ngôn 。 nhiễm Thần ức kiếp bất hủ tiên ngao sanh tử 。
Thí dụ thứ 10. Pháp ngôn nói rằng : Nhiễm thân (28) bất tử , nó theo ta , làm khổ ta kiếp này qua kiếp khác

得道乃止。昔佛泥日後五百十年。有一國王。
đắc đạo nãi chí 。 tích Phật nê viết hậu ngũ bách thập niên 。 hữu nhất Quốc Vương 。
đến khi đắc đạo mới thôi. Xưa sau khi Đức Phật nhập Niết ban năm trăm mười năm, có một vị quốc vương,

精進勇猛世所希有。供養六萬沙門三月一時。
tinh tấn dũng mãnh thế sở hy hữu 。 cúng dường lục vạn Sa Môn tam nguyệt nhất thời
。
tinh tiến dũng mạnh hiếm có trên đời này . có một lần nhà vua cúng dường cho ba vạn sa môn trong ba tháng,

甘香饒饒極世之味。
cam hương hào thiện cực thế chi vị 。
đãi những món ăn ngon nhất thế gian.

最上座道人博綜群籍探古達今得應真。
tối thượng tọa đạo nhân bác tổng quần tịch thám cổ đạt kim đắc ung chân 。
Vị thượng tọa đạo trưởng là vị đã đắc đạo A-la-hán, học hỏi uyên bác, thông cổ biết kim.

去此國東四百八十里有一國王。供養五百婆羅門。亦盡世之美。
khứ thử quốc Đông tứ bách bát thập lý hữu nhất Quốc Vương 。 cúng dường ngũ bách Bà-la-môn 。 diệc tận thế chi mỹ 。
Bốn trăm tám mươi dặm về hướng đông của nước này , cũng có một quốc vương khác , cũng cúng dường năm trăm bà-la-môn, với những gì đẹp nhất của thế gian này,

作百種幢幡裝校繪綵綿潔金寶雜物。
tác bách chủng tràng phan trang giáo tăng thái miên khiết kim bảo tạp vật 。
nào là hàng trăm loại cờ quạt bằng những tơ lụa quý, nào là vàng bạc châu báu đủ loại,

一幢直五百兩金。以此伎樂而娛樂之。
nhất tràng trực ngũ bách lượng (lưỡng) kim 。 dĩ thử kĩ nhạc nhi ngu lạc chi 。
một lá cờ phan (29) đáng giá cả năm trăm lượng vàng , nào là đoàn ca nhạc đàn hát giúp vui,

其有能作此技藝者。便以與之。

kỳ hữu năng tác thử kỹ nghệ giả。tiện dĩ dữ chi。
tất cả những ai khá về ca nhạc mua hát đều được mời đến.

諸國貧人聞彼國王有此寶物。各各四面雲集合五百人。路由精舍。
chư quốc bần nhân văn bỉ Quốc Vương hữu thử bảo vật。các các tứ diện vân tập
hợp ngũ bách nhân。lộ do Tịnh Xá。
Lúc đó những người nghèo trong nước nghe thấy tin vua có nhiều tài bảo ban phát như vậy, đều
từ khắp nơi lên đường tiến về hoàng cung, số người lên đến năm trăm,

各習技藝欲取彼寶。糧食乏盡不能得達。
các tập kỹ nghệ dục thủ bỉ bảo。lượng thực/tự phạp tận bất năng đắc đạt。
ai ai đều đi học nghề đàn hát hy vọng được những tài bảo do nhà vua ban thưởng. Những người
này tài nghệ học chưa xong, đường còn xa mới tới, lương thực thì đã cạn hết.

便詣上座前求作沙門。上座即觀之。
tiện nghê Thượng tọa tiền cầu tác Sa Môn。Thượng tọa tức quán chi。
Họ bèn cầu thượng tọa đạo trưởng cho làm sa môn, thượng tọa bèn xem xét

乃惟衛佛時賢者家奴客。曾為道人作食飲。又聞法言。
nãi duy vệ Phật thời hiền giả gia nô khách。tằng vi/vi/vị đạo nhân tác thực/tự ẩm
。hựu văn Pháp ngôn。
nhận ra những người này ở những kiếp trước là những người giúp việc của các nhà hiền triết
trong thời Đức Phật. đã có lần nấu ăn cho thượng tọa và cũng được nghe Phật pháp trước đây,

從是以來天上人中受福自然。
tùng thị dĩ lai Thiên thượng nhân trung thọ/thụ phước tự nhiên。
trong những kiếp trước đã được hưởng rất nhiều phúc,

福今始盡法言故存。此等可度。便下鬚髮授以戒法。
phước kim thủy tận Pháp ngôn cố tồn。thử đẳng khả độ。tiện hạ tu phát
thọ/thụ dĩ giới pháp。
nay phúc đã hết nhưng những Phật pháp nghe được trước đây vẫn còn, như vậy những người
này có thể độ được, bèn nhận cho xuống tóc thọ giới đi tu.

將入宮食還大歡喜。
trương nhập cung thực/tự hoàn đại hoan hỉ。
Một hôm thầy đưa những người này vào trong hoàng cung ăn uống, về mọi người rất vui mừng.

師知其意為說此飯不可妄食。人無至誠而食此飯者。
sư tri kỳ ý vi/vi/vị thuyết thử phạn bất khả vọng thực/tự。nhân vô chí thành nhi
thực/tự thử phạn giả。

Thấy biết ý của những người học trò này bèn giảng dạy rằng thức ăn này không thể vọng thực (30), nếu người không có thành tâm tu hành mà ăn cơm này

當累劫為王作牛馬奴婢。五百新學比丘。

đương luy kiếp vi/vi/vị Vương tác ngưu mã nô tỳ 。 ngũ bách tân học Tỳ-kheo 。
sẽ tạo ác nghiệp, những kiếp sau sẽ phải làm thân trâu ngựa hay nô tỳ cho nhà vua. Năm trăm tỳ kheo mới này

聞此恐怖厲志精進。九十日皆得應真。比丘已得道。

văn thử khủng bố lệ chí tinh tấn 。 cửu thập nhật giai đắc ứng chân 。 Tỳ-kheo dĩ đắc đạo 。

sợ hãi , nên quyết chí tinh tiến học đạo trong chín mươi ngày đều đắc đạo A-la-hán. Những tỳ kheo này sau khi đắc đạo,

muốn kể rõ câu chuyện của mình để chia sẻ với mọi người, bèn chạy đi kêu gọi mọi người cùng đến trước cửa hoàng cung, Những tỳ kheo này sau khi đắc đạo, muốn kể rõ câu chuyện của mình để chia sẻ với mọi người, bèn chạy đi kêu gọi mọi người cùng đến trước cửa hoàng cung,

欲自說本末。便大走行喚入王門共相撲來。

dục tự thuyết bản末 。 tiện Đại tẩu hạnh/hành/hàng hoán nhập Vương môn cộng tướng phác lai 。

muốn kể rõ câu chuyện của mình để chia sẻ với mọi người, bèn chạy đi kêu gọi mọi người cùng đến trước cửa hoàng cung,

三毒十二因緣五陰六衰我皆撲之。誰能與我對者。

tam độc thập nhị nhân duyên ngũ uẩn lục suy ngã giai phác chi 。 thùi năng dữ ngã đối giả 。

nói cho mọi người biết là tam độc, thập nhị nhân duyên, ngũ uẩn, lục suy (31) đều đã bị đánh bại với một cái thắng lợi không ai có thể so sánh bằng.

眾坐愕然。此何言也。

chúng tọa ngạc nhiên 。 thử hà ngôn dã 。

Tất cả mọi người nghe xong vô cùng ngạc nhiên vì không hiểu nội dung câu chuyện.

比丘曰吾等本習技藝取彼寶利養。為沙門自致羅漢。

Tỳ-kheo viết ngô đẳng bản tập kỹ nghệ thủ bỉ bảo lợi dưỡng 。 vi/vi/vị Sa Môn tự trí La-hán 。

Các Tỳ kheo bèn kể thêm rằng : Chúng tôi lúc đầu muốn học ca hát hy vọng trình diễn trước vua để lấy được tiền thưởng nuôi thân, sau làm sa môn nay đắc đạo thành A-la-hán.

三界眾邪吾等已撲滅之。蒙大師恩快樂無極。

tam giới chúng tà ngô đẳng dĩ phác diệt chi 。 môn Đại sư ân khoái lạc vô cực 。

Tất cả tam giới đều ngạc nhiên là chúng tôi đã diệt được những tính xấu kể trên để đi đến chính quả, nhờ ơn của thầy thượng tọa đạo trưởng mà nay chúng tôi được vô cùng mừng vui.

(一一) 昔者兄弟二人居。大勢富貴資財無量。

(nhất nhất) tích giả huynh đệ nhị nhân cư 。 đại thế phú quý tư tài vô lượng 。
Thí dụ thứ 11. Xưa có hai anh em ở chung với nhau, hai người này rất là phú quý, có gia tài vô số,

父母終亡無所依仰。雖為兄弟志念各異。

phụ mẫu chung vong vô sở y ngưỡng 。 tuy vi/vi/vị huynh đệ chí niệm các dị 。
Bố mẹ đều đã mất không ai nương tựa. Tuy là anh em nhưng hai người có chí hướng khác nhau.

兄好道誼弟愛家業。官爵俸祿貪世榮色。

huynh hảo đạo nghị đệ ái gia nghiệp 。 quan tước bổng lộc tham thế vinh sắc 。
Người anh thích học đạo, người em mê gia nghiệp, quan tước, bổng lộc, tham danh vọng thế gian,

居近波利弗。雞鳴精舍去之不遠。

cư cận Ba lợi phát 。 kê Minh Tịnh Xá khứ chi bất viễn 。
Nhà ở gần Ba Lợi Phát (32), cách Kê Minh Tịnh Xá không xa.

兄專行學諮受經道不預家計。

huynh chuyên hạnh/hành/hàng học ti thọ/thụ Kinh đạo bất dự gia kế 。
Người anh chuyên học về đạo lý kinh kệ, không lo gì đến sinh kế ,

其弟見兄不親家事恒嫌恨之。共為兄弟。父母早終。勤苦念生活。

kỳ đệ kiến huynh bất thân gia sự hằng hiềm hận chi 。 cộng vi/vi/vị huynh đệ 。 phụ mẫu tảo chung 。 cần khổ niệm sanh hoạt 。
người em thấy anh mình không lo về sinh kế trong nhà nên rất bất mãn, bèn bảo anh rằng :
Cùng là anh em, cha mẹ mất sớm, phải vất vả để lo về cuộc sống mới là đúng,

反棄家業追逐沙門聽受佛經。

phản khí gia nghiệp truy trục Sa Môn thính thọ Phật Kinh 。
nay lại bỏ gia nghiệp sinh kế để đến chùa nghe kinh.

沙門豈能與汝衣財寶耶。家轉貧狹財物日耗人所嗤笑。

Sa Môn khởi năng dữ nhữ y tài bảo da 。 gia chuyển bản hiệp tài vật nhật hao nhân sở xi tiếu 。

Chùa có cho được tiền tài quần áo chăn, gia đình nghèo khó, tiền tài eo hẹp để người ta chê cười.

謂之懈廢門戶絕滅。凡為人子當立功效。

vị chi giải phế môn hộ tuyệt diệt 。 phàm vi/vi/vị nhân tử đương lập công hiệu 。
bảo là chúng ta lười biếng để gia đình bị diệt vong. Phàm làm con cai cũng phải cố gắng báo ơn cho gia đình,

繼續父母功勳不廢。乃為孝子耳。兄報之曰。

kế tục phụ mẫu công huân bất phế 。 nãi vi/vì/vị hiếu tử nhĩ 。 huynh báo chi viết

。 kế thừa công nghiệp của cha mẹ , đó là hiếu hạnh. Người anh bảo rằng :

五戒十善供養三寶行六度。坐禪念定以道化親。

ngũ giới thập thiện cúng dường Tam Bảo hạnh/hành/hàng lục độ 。 tọa Thiền niệm định dĩ đạo hóa Giữ ngũ giới (33) hành thập thiện (34) cúng dường (35) Tam Bảo, trì lục độ, thiền định để hóa độ thân nhân

乃為孝耳。道俗相反自然之數。

nãi vi/vì/vị hiếu nhĩ 。 đạo tục tương phản tự nhiên chi số 。

đó mới là hiếu. Đạo đời hai ngả hoàn toàn nghịch nhau.

道之所樂俗之所惡。俗之所珍道之所賤。

đạo chi sở lạc/nhạc tục chi sở ác 。 tục chi sở trân đạo chi sở tiện 。

điều mà đạo thích thì đời ghét, điều mà đời quý trọng thì đạo khinh rẻ ,

智愚不同謀猶明冥。

trí ngu bất đồng mưu do minh minh 。

trí tục và ngu si khác nhau, mưu cầu cũng sáng tối hai ngả nghịch nhau.

不可共處是故慧人去冥就明以致道真。卿今所樂苦惱之我。

bất khả cộng xứ/xử thị cố tuệ nhân khứ minh tựu minh dĩ trí đạo chân 。 khanh kim sở lạc/nhạc khổ não chi ngã 。

vì vậy khó mà công sự, trí tuệ bỏ vô minh để tìm đường đắc đạo. Nay cái mà em thích lại là cái xấu xa đối với tôi,

一切空無虛偽不真。迷謬計有豈知苦辛。

nhất thiết không vô hư vọng bất chân 。 mê mậu kế hữu khởi tri khổ tân 。

tất cả là hư vô, là giả tạo là không thật, vì mê hoặc tưởng là có thật, đâu biết đó là khổ đau.

其弟含悲俾頭不信。兄見如是便謂曰。卿貪家事以財為貴。

kỳ đệ hàm nhuê/khuê tĩ đầu bất tín 。 huynh kiến như thị tiện vị viết 。 khanh

tham gia sự dĩ tài vi/vì/vị quý 。

Người em giận và cúi đầu không tin. Người anh thấy thế bèn nói rằng ; Em lo chuyện nhà lấy tiền tài là chính.

吾好經道以慧為珍。今欲捨家歸命福田。

ngô hảo kinh đạo dĩ tuệ vi/vì/vị trân 。 kim dục xả gia quy mạng phước điền 。

Anh thích kinh kệ đạo pháp lấy trí tuệ làm chính, nay muốn bỏ nhà để đi làm những việc phúc thiện.

計命寄世忽若飛塵。無常卒至為罪所纏。

kế mạng kí thế hốt nhược/nhã phi trần 。 vô thường tốt chí vi/vì/vị tội sở triển 。
Đời ở thế gian này như là cát bụi khoáng khắc bay mất, vô thường sẽ đến, tội lỗi thì trói buộc ta.

是故捨世避危就安。

thị cố xả thế tị nguy tựu an 。

vì vậy muốn bỏ cái đau khổ của thế tục , để tìm cái an lành trong đạo pháp.

弟見兄意志趣道誼寂然無報。兄則去家行作沙門。

đệ kiến huynh ý chí thú đạo nghị tịch nhiên vô báo 。 huynh tức khứ gia
hạnh/hành/hàng tác Sa Môn 。

Người em thấy anh mình ham mê tìm đạo nên yên lặng không trả lời. Người anh bỏ nhà đi tu làm sa môn.

夙夜精進誦經念道一心坐禪。分別思惟未曾休息懈怠。

túc dạ tinh tấn tụng Kinh niệm đạo nhất tâm tọa Thiền 。 phân biệt tư tánh vị tăng hưu
tức giải đãi 。

Ngày đêm chăm chỉ đọc kinh cầu đạo, chuyên tâm thiền định, tư duy chánh pháp quên cả nghỉ ngơi.

即具根力三十七品。行合經法成道果證。

tức cụ căn lực tam thập thất phẩm 。 hạnh/hành/hàng hợp Kinh pháp thành đạo quả chứng
。 sau đã hoàn tất ba mươi bảy đạo phẩm (36), tu tập chính pháp và thành chánh quả.

往到弟所勸令奉法。五戒十善生天之本。

vãng đáo đệ sở khuyến lệnh phụng Pháp 。 ngũ giới thập thiện sanh Thiên chi bản
。

Đến gặp em và khuyên người em phải theo đạo pháp, giữ ngũ giới (33), làm thập thiện (34) để làm cái vốn của đời này.

布施學問道慧之基。弟聞此言瞋恚更盛。即答兄曰。

bố thí học vấn đạo tuệ chi cơ 。 đệ văn thử ngôn sân khuể cánh thịnh 。 tức đáp
huynh viết 。

nặng bố thì vì nó là căn cơ của tu tập, đạo lý và trí tuệ. Người em nghe những lời này lại càng giận dữ và bảo anh rằng :

卿自應廢不親家業毀壞門戶。

khanh tự ưng phế bất thân gia nghiệp hủy hoại môn hộ 。

Anh đã bỏ bê gia nghiệp, làm mất danh giá của gia đình

可獨為此勿復教我。疾出門去莫預我事。兄便捨去。

khả độc vi/vì/vị thử vật phục giáo ngã 。 tậ xuất môn khứ mạc dự ngã sự 。 huynh
tiện xả khứ 。
anh cứ một mình làm đi đừng dạy cho em nữa, hãy ra khỏi nhà này mau đi đừng lý những
chuyện của em nữa. Người anh bèn bỏ ra đi.

弟貪家業汲汲不休。未曾以法而住其心。
đệ tham gia nghiệp cấp cấp bất hưu 。 vị tăng dĩ pháp nhi trụ kỳ tâm 。
Người em say mê gia nghiệp không ngừng, không bao giờ nghĩ đến đạo pháp.

然後壽終墮牛中肥盛甚大。賈客買取載鹽販之。
nhiên hậu thọ chung đọa ngưu trung phì thịnh thậm đại 。 cổ khách mại thử tái diêm
phiến chi 。
Sau khi chết người em đầu thai làm con trâu mập mạp to lớn, có người lái buôn mua về để dùng
vào việc chuyên chở muối,

往返有數。牛遂羸頓不能復前。
vãng phản hữu số 。 ngưu toại luy đốn bất năng phục tiền 。
chuyên chở vài lần, trâu đã mệt đừ không còn đi được nữa,

上坂困頓躑躅不起。賈人策搯搖頭纔動。
thượng phản khốn đốn tích ngọa bất khởi 。 cổ nhân sách qua diêu/dao đầu tài
động 。
trâu nằm xuống nghỉ không thể đứng dậy được, người chủ lấy roi đánh, lay đầu trâu, trâu mới
chuyển động

時兄遊行飛在虛空。遙見如是。即時思惟。知從何來。
thời huynh du hạnh/hành/hàng phi tại hư không 。 dao kiến như thị 。 tức thời tư tánh
。 tri tùng hà lai 。
Lúc đó người anh đang du hành ở trên hư không, bay qua thấy vậy, bèn tìm hiểu xem con trâu
này từ đâu đến ,

觀見其本本是其弟。便謂之曰。
quán kiến kỳ bản bản thị kỳ đệ 。 tiện vị chi viết 。
xem kỹ thì biết nó là người em của mình, bèn nói với trâu rằng :

弟汝所居舍宅田地汲汲所樂。今為所在。而自投身墮牛畜中。
đệ nhữ sở cư xá trạch điền địa cấp cấp sở lạc/nhạc 。 kim vi/vì/vị sở tại 。 nhi
tự đầu thân đọa ngưu súc trung 。
Em trước đây ở nhà chỉ vui với những tài sản : nhà cửa, ruộng đất, nay tất cả tài sản đi đâu?
Thân em thì phải đầu thai làm trâu làm ngựa.

即以威神照示本命。即自識知淚出。
tức dĩ uy thần chiếu thị bản mạng 。 tức tự thức tri lệ xuất 。

Người anh lại lạy phép thần thông để người em thấy được những gì mình đã làm trên kiếp người, người em hối tiếc và khóc,

自責本行不善慳貪嫉妬。不信佛法輕慢聖眾。

tự trách bản hạnh/hành/hàng bất thiện xan tham tật đố 。 bất tín Phật Pháp khinh mạn Thánh chúng 。

tự trách mình làm những điều bất thiện, keo kiệt, ghen tỵ, không tin Phật pháp, khinh bỉ chư thánh,

快心恣意不信兄語。

khoái tâm tứ ý bất tín huynh ngữ 。

vui chơi thỏa ý, không nghe lời anh,

違戾聖教抵突自用故墮牛中。疲頓困劣悔當何逮。兄知心念愴然哀傷。

vi lệ Thánh giáo đễ đột tự dụng cố đọa ngưu trung 。 bì đốn khốn liệt hối đương hà đãi 。

huynh tri tâm niệm sáng nhiên ai thương 。

còn chê bai thánh giáo nên bị đầu thai làm trâu, mệt mỏi khổ sở hối hận không kịp. Người anh

vô cùng thương xót

即為牛主說其本末。事狀如是。本是我弟。

tức vi/vi/vị ngưu chủ thuyết kỳ bản mạt 。

sự trạng như thị 。

bản thị ngã đệ 。

bèn kể hết đầu đuôi câu chuyện cho người chủ trâu nghe, cho biết con trâu này chính là người em của mình trong kiếp trước.

不信三尊背真向偽。慳妬自恣貪求不施。

bất tín tam tôn bối chân hướng vị 。

xan đố Tự Tứ tham cầu bất thí 。

vi không tin Tam Bảo, bỏ những điều phải theo những điều trái, keo kiệt, ghen tỵ, tự ty, tham lam, không bố thí ,

墮牛中羸瘦困劣甚可愍傷。今已老極疲不中用。

đọa ngưu trung luy sấu khốn liệt thậm khả mẫn thương 。

kim dĩ lão cực bì bất trung dụng 。

nên nay bị đầu thai làm con trâu, đau ốm thật đáng thương. Nay đã già yếu, không còn dùng vào việc gì được nữa,

幸以惠我濟其殘命。賈人聞之便以施與。

hạnh dĩ huệ ngã tế kỳ tàn mạng 。

cổ nhân văn chi tiện dĩ thí dĩ 。

xin ông cho tôi để tôi giúp cái thân tàn của nó. Người lái buôn nghe vậy bèn bố thí con trâu cho người anh.

即將牛去還至寺中。使念三寶飯食隨時。

tức tướng ngưu khứ hoàn chí tự trung 。

sử niệm Tam Bảo phạn thực tùy thời 。

Người anh bèn đưa con trâu về chùa, dạy niệm Tam Bảo cho ăn uống nghỉ ngơi.

其命終盡得生忉利。時眾賈客各自念言。

kỳ mạng chung tận đắc sanh Đao Lợi。 thời chúng cổ khách các tự niệm ngôn 。
sau khi trâu chết được tái sinh về cõi trời Đao lợi. Lúc đó các lái buôn cũng nghĩ rằng

我等勤治生無厭。不能施與又不奉法不識道誼。

ngã đặng cần trì sanh vô yếm 。 bất năng thí dữ hựu bất phụng Pháp bất thức đạo nghị 。
minh chỉ lo buôn bán cầu lợi không ngừng, không chịu bố thí, không giữ và không biết đạo pháp,

死亦恐然不免此類。便共出舍。

tử diệc khủng nhiên bất miễn thử loại 。 tiện cộng xuất xá 。
sợ mai kia chết đi lại cũng đầu thai làm thú vật thôi. Bèn bỏ nhà cửa

捐其妻子棄所珍翫。行作沙門精進不懈。皆亦得道。

quyên kỳ thê tử khí sở trân ngoạn 。 hạnh/hành/hàng tác Sa Môn tinh tấn bất giải
。 giai diệc đắc đạo 。
bỏ vợ con, bỏ những trò chơi vui thú, đi làm sa môn, tinh tiến chuyên cần, sau đều đắc đạo.

由是觀之。世間財寶不益於人。

do thị quán chi 。 thế gian tài bảo bất ích ư nhân 。
Hãy xem những truyện này, tài vật của thế gian này không giúp ích cho người ta đâu.

奉敬三尊修身學慧博聞行道世世獲安。

phụng kính tam tôn tu thân học tuệ bác văn hành đạo thế thế hoạch an 。
Cung dường Tam Bảo, tu thân học đạo, tìm hiểu chánh pháp sẽ giúp đời đời được an lạc.

(一二) 昔者舍衛國有一貧家。庭中有蒲桃樹。

(nhất nhị) tích giả Xá-Vệ quốc hữu nhất bần gia 。 đình trung hữu bồ đào
thụ/thọ 。

Thí dụ thứ 12. Ngày xưa ở nước Xá Vệ (37) có một nhà nghèo. Trong vườn có một cây roi
(38)

上有數穗。念欲即施道人。

thượng hữu số tuệ 。 niệm dục tức thí đạo nhân 。
trên cây có vài chùm roi, người chủ nhà muốn lấy roi để cung dường mấy vị tu hành.

時國王先前請食一月。是貧家力勢不如。王正玄許一月。

thời Quốc Vương tiên tiền thỉnh thực/tự nhất nguyệt 。 thị bần gia lực thế bất như
。 Vương chánh huyện hứa nhất nguyệt 。

Lúc đó nhà vua đòi phái lấy roi một tháng cho vua ăn, vì nhà nghèo không có thể lực gì nên đành
chịu. Đang lúc tháng vua đòi lấy roi,

乃得一道人便持施之。語道人言。

nãi đặc nhất đạo nhân tiên trì thí chi 。 ngữ đạo nhân ngôn 。
thì có một vị tu sĩ đến thăm , bà cư sĩ bèn lấy roi để cúng dường thầy, và nói với thầy rằng,

念欲施來一月。今乃得願。道人語優婆夷。以一月中施矣。

niệm dục thí lai nhất nguyệt 。 kim nãi đặc nguyện 。 đạo nhân ngữ ưu-bà-di 。 dĩ
nhất nguyệt trung thí hĩ 。

mong cúng dường cho quý thầy cả tháng nay, nay mới được toại nguyện, thầy tu bảo với nữ cư
sĩ (39) rằng : Bà đã cúng dường cả tháng nay rồi.

優婆夷言。我但一穗蒲桃施耳。

ưu-bà-di ngôn 。 ngã đăn nhất tuệ bồ đào thí nhĩ 。

Bà cư sĩ nói rằng : Tôi chỉ cúng dường có một chùm roi hôm nay mà thôi

那得一月施。道人言。但一月中念欲施。則為一月也。

na đắc nhất nguyệt thí 。 đạo nhân ngôn 。 đăn nhất nguyệt trung niệm dục thí
。 tức vi/vi/vi nhất nguyệt dã 。

đâu có cúng dường một tháng nay đâu. Thầy tu nói rằng : Một tháng nay bà đã nghĩ đến cúng
dường là một tháng nay bà đã cúng dường rồi.

有十八事。人於世間甚大難。

hữu thập bát sự 。 nhân ư thế gian thậm đại nạn/nan 。

Ở đời này có mười tám chuyện khó xảy đến:

一者值佛世難。二者正使值佛。成得為人難。

nhất giả trị Phật thế nạn/nan 。 nhị giả chánh sử trị Phật 。 thành đắc vi/vi/vi nhân
nạn/nan 。

Thứ nhất được sống cùng thời với Đức Phật là khó, Thứ hai dù được sống cùng thời với
Đức Phật mà được đầu thai làm người thì lại là khó

三者正使得成為人。在中國生難。四者正使在中國生。

tam giả chánh sử đắc thành vi/vi/vi nhân 。 tại Trung Quốc sanh nạn/nan 。 tứ giả chánh sử
tại Trung Quốc sanh 。

Thứ ba : dù được đầu thai làm người mà được sống tại Trung Quốc thì lại là khó. Thứ tư : dù
được sống tại Trung Quốc

種姓家難。五者正使在種姓家。

chủng tính gia nạn/nan 。 ngũ giả chánh sử tại chủng tính gia 。

mà được làm con cái của những gia đình dòng dõi thì lại là khó. Thứ năm : Dù được làm con
cái của những gia đình dòng dõi

四支六情完具難。六者正使四支六情完具。財產難。

tứ chi lục tình hoàn cụ nạn/nan 。 lục giả chánh sử tứ chi lục tình hoàn cụ 。 tài sản
nạn/nan 。

mà được chân tay lành lặn, lục tinh bình thường thì lại là khó. Thứ sáu dù được chân tay lành lặn, lục tinh bình thường mà có sản nghiệp to lớn thì lại là khó

七者正使得財產。善知識難。

thất giả chánh sử đắc tài sản。 thiện tri thức nạn/nan。

Thứ bảy : Dù được có sản nghiệp to lớn, mà lại có những kiến thức cao thì lại là khó

八者正使得善知識。智慧難。九者正使得智慧。善心難。

bát giả chánh sử đắc thiện tri thức。 trí tuệ nạn/nan。 cửu giả chánh sử đắc trí tuệ。 thiện tâm nạn/nan。

Thứ tám : Dù có kiến thức cao, mà lại có được sự hiểu biết về đạo pháp thì lại là khó. Thứ

chín : Dù có được sự hiểu biết về đạo pháp mà lại có lòng thiện tâm thì lại là khó.

十者正使得善心。能布施難。

thập giả chánh sử đắc thiện tâm。 năng bố thí nạn/nan。

Thứ mười : Dù có lòng thiện tâm mà lại có lòng bố thí lại là khó,

十一者正使能布施。欲得賢善有德人難。

thập nhất giả chánh sử năng bố thí。 dục đắc hiền thiện hữu đức nhân nạn/nan。

Thứ mười một : Dù có lòng bố thí mà lại tìm được những người hiền đức để học hỏi thì lại là khó,

十二者正使得賢善有德人。往至其所難。十三者正至其所。

thập nhị giả chánh sử đắc hiền thiện hữu đức nhân。 vãng chí kỳ sở nạn/nan。 thập tam giả chánh chí kỳ sở。

Thứ 12 : Dù tìm được những người hiền đức để học hỏi, mà được đến nhà họ để thọ giáo thì lại là khó. thứ 13 : Dù được đến nhà của người hiền đức để thọ giáo,

得宜適難。十四者正使得宜適。

đắc nghi thích nạn/nan。 thập tứ giả chánh sử đắc nghi thích。

mà được những cơ hội thích nghi để học hỏi với họ thì lại là khó. Thứ 14 dù được những cơ hội thích nghi để học hỏi với họ

受聽問訊說中正難。十六者正使得中正。解智慧難。

thọ/thụ thính vấn tẩn thuyết trung chánh nạn/nan。 thập lục giả chánh sử đắc trung chánh。

giải trí tuệ nạn/nan。

mà tiếp thu được cái hay của những lời bàn luận một cách chính xác, trung thực thì lại là khó.

Thứ 16 dù tiếp thu được cái hay của những lời bàn luận một cách chính xác, trung thực mà ngộ được cái thâm thúy của những lời bàn luận đó thì lại là khó.

十七者正使得解智慧。能受深經種種難。

thập thất giả chánh sử đắc giải trí tuệ。 năng thọ thâm Kinh chủng chủng nạn/nan。

Thứ 17 : Dù ngộ được cái thâm thúy của những lời bàn luận đó , mà hiểu thấu được những
uyên thâm của các kinh điển thì lại là khó.

是為十八事。

thị vi/vi/vị thập bát sự 。

đó là 18 sự (40)

雜譬喻經

tạp Thí dụ kinh

Tạp Thí Dụ kinh

B. S. Trần Văn Nghĩa dịch Việt văn.

Ngày 22/10/2011.

Blairsville, PA USA.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền

Phiên Âm Wed Oct 1 17:24:40 2008
